

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI

**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC
QUẢN TRỊ HÀNG TỒN KHO CÔNG TY TNHH THANH
PHÚ – PHƯƠNG THIẾP**

SINH VIÊN THỰC HIỆN: NGUYỄN NHƯ HIỀN

MÃ SỐ SINH VIÊN: 2154030214

KHÓA HỌC: 2021 - 2025

Đà Nẵng, tháng 05/2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI

**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC
QUẢN TRỊ HÀNG TỒN KHO CÔNG TY TNHH THANH
PHÚ – PHƯƠNG THIẾP**

Giảng viên hướng dẫn	: Nguyễn Thị Thu Hà
Sinh viên thực hiện	: Nguyễn Như Hiền
Mã số sinh viên	: 2154030214
Khóa học	: 2021 - 2025

Đà Nẵng, tháng 05/2025

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2025

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Năm học: 2024 – 2025

1. Thông tin tác giả thực hiện

- Họ và tên sinh viên : Nguyễn Như Hiền
- Chuyên ngành : Quản trị kinh doanh
- Trình độ đào tạo : Đại học
- Khóa học : 2021 – 2025

2. Tên đề tài Khóa luận tốt nghiệp

“MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN TRỊ
HÀNG TỒN KHO CÔNG TY TNHH THANH PHÚ – PHƯƠNG THIẾP”

3. Các số liệu ban đầu thực hiện Khóa luận tốt nghiệp

4. Các bảng biểu

- Các sản phẩm của công ty
- Danh sách khách hàng chính của công ty
- Đối thủ cạnh tranh
- Bảng cơ sở vật chất và trang thiết bị tại các phòng ban
- Bảng cơ sở vật chất và trang thiết bị tại kho
- Bảng nguồn nhân lực
- Bảng kết quả hoạt động kinh doanh
- Bảng cân đối kế toán
- Bảng tham khảo gói dịch vụ phần mềm

5. Cán bộ hướng dẫn

- ThS. Nguyễn Thị Thu Hà

6. Ngày giao nhiệm vụ làm Khóa luận tốt nghiệp

- 10/02/2025

7. Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận

- 20/05/2025

Giảng viên hướng dẫn

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong bối cảnh thị trường kinh doanh ngày càng cạnh tranh gay gắt, đặc biệt là trong lĩnh vực vật liệu xây dựng, việc tối ưu hóa hoạt động quản trị nói chung và quản trị hàng tồn kho nói riêng đang ngày càng trở nên quan trọng. Hàng tồn kho không chỉ là tài sản hiện hữu của doanh nghiệp mà còn phản ánh trực tiếp hiệu quả quản lý, khả năng xoay vòng vốn cũng như năng lực phục vụ khách hàng. Đối với các doanh nghiệp kinh doanh sắt thép – nơi giá trị hàng hóa thường lớn, công kênh, và dễ chịu tác động từ môi trường – thì việc quản trị hàng tồn kho lại càng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết.

Trong quá trình tìm hiểu và tiếp xúc thực tế tại Công ty TNHH Thanh Phú Phương Thiếp – một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh sắt thép. Em nhận ra rằng, hàng tồn kho không chỉ đơn thuần là con số hay vật chất nằm im trong kho, mà nó là kết quả của cả một quá trình vận hành, từ khâu nhập hàng, lưu trữ đến khi giao đến tay khách hàng. Mỗi cây thép, mỗi cuộn sắt đều mang giá trị tài chính và cả công sức của nhiều con người phía sau, từ người mua hàng, người vận chuyển, đến người quản lý kho.

Tuy nhiên, trong quá trình làm việc, em cũng chứng kiến không ít khó khăn trong việc kiểm soát hàng tồn, như hàng hóa để lâu bị rỉ sét, việc sắp xếp thiếu khoa học gây khó khăn khi tìm kiếm, hay đôi lúc có sự chênh lệch giữa số liệu thực tế và sổ sách. Những điều tưởng như nhỏ ấy lại ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của công ty và cả sự vất vả của người làm kho.

Chính từ những quan sát rất đời thường đó, em thấy rằng việc nghiên cứu và đề xuất các giải pháp để quản lý hàng tồn kho hiệu quả là điều thực sự cần thiết và có ý nghĩa. Không chỉ giúp công ty giảm thiểu rủi ro, tiết kiệm chi phí mà còn góp phần làm cho công việc của những người trực tiếp gắn bó với kho, những người công nhân, thủ kho trở nên nhẹ nhàng, rõ ràng hơn. Đó là lý do em chọn đề tài **“Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản trị hàng tồn kho công ty TNHH Thanh Phú – Phương Thiếp”** cho khóa luận của mình. Em mong muốn từ góc nhìn của một người trẻ đang học hỏi, có thể góp phần nhỏ vào việc cải thiện một khâu quan trọng trong hoạt động của doanh nghiệp.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1. Mục tiêu chung

Dựa trên cơ sở lý luận về quản lý hàng tồn kho tiến hành nghiên cứu thực trạng quản lý hàng tồn kho tại Công ty TNHH Thanh Phú – Phương Thiếp. Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý hàng tồn kho tại công ty.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Hệ thống hóa, phân tích và tổng hợp những vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác quản lý hàng tồn kho trong doanh nghiệp.

- Nghiên cứu thực trạng, phân tích công tác hàng tồn kho tại Công ty TNHH Thanh Phú – Phương Thiếp.

- Đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý hàng tồn kho của doanh nghiệp.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu các vấn đề liên quan đến công tác quản lý hàng tồn kho tại Công ty TNHH Thanh Phú – Phương Thiếp.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi về thời gian: Các thông tin và số liệu thu thập được tại công ty từ giai đoạn 2022 – 2024.

- Phạm vi về không gian: Đề tài được thực hiện tại Công ty TNHH Thanh Phú – Phương Thiếp (718 Điện Biên Phủ, Thanh Khê Tây, Thanh Khê, Đà Nẵng).

- Phạm vi về nội dung: Đề tài xoay quanh việc nghiên cứu, làm rõ các vấn đề về công tác quản trị hàng tồn kho của công ty. Từ thực trạng đó đề ra các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao và hoàn thiện công tác quản trị hàng tồn kho tại công ty.

3.3. Phương pháp nghiên cứu

3.3.1. Phương pháp phân tích số liệu

- Thống kê mô tả: Sử dụng các chỉ tiêu số tương đối, tuyệt đối nhằm đánh giá những ảnh hưởng cũng như mối quan hệ giữa các yếu tố liên quan đến công tác quản trị hàng tồn kho.

- So sánh, đối chiếu: Từ những số liệu liên quan đến vấn đề nghiên cứu được lấy từ công ty tiến hành so sánh phân tích và đưa ra kết luận về công tác quản trị hàng tồn

kho tại công ty TNHH Thanh Phú – Phương Thiếp, so sánh các chỉ tiêu qua các năm nghiên cứu.

3.3.2. Phương pháp thu thập số liệu

Thu thập thông tin liên quan đến công tác quản trị hàng tồn kho của công ty TNHH Thanh Phú – Phương Thiếp. Các số liệu như: Bảng cân đối kế toán và bảng kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn năm 2022 – 2024... Ngoài ra tiến hành thu thập thông tin từ bên ngoài doanh nghiệp thông qua các phương tiện truyền thông khác.

4. Bố cục khóa luận

Bố cục đề tài gồm 3 chương ngoài phần mở đầu và kết luận:

Chương 1: Cơ sở lý luận về hàng tồn kho

Chương 2: Thực trạng quản trị hàng tồn kho tại công ty TNHH Thanh Phú – Phương Thiếp

Chương 3: Một số giải pháp hoàn thiện công tác quản trị hàng tồn kho tại công ty TNHH Thanh Phú – Phương Thiếp

LỜI CẢM ƠN

Trước hết, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng và Khoa Quản trị Kinh doanh đã tạo điều kiện thuận lợi cho em trong suốt quá trình học tập và thực hiện khóa luận tốt nghiệp. Đây là khoảng thời gian quý báu giúp em không chỉ tích lũy thêm kiến thức chuyên ngành mà còn rèn luyện kỹ năng, bản lĩnh làm việc trong môi trường thực tế.

Em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến cô Nguyễn Thị Thu Hà – giảng viên hướng dẫn đã tận tình chỉ dẫn, đồng hành, góp ý và động viên em trong suốt quá trình thực hiện đề tài. Những chia sẻ quý báu từ cô không chỉ giúp em hoàn thiện nội dung khóa luận mà còn là hành trang hữu ích cho chặng đường nghề nghiệp sau này.

Bên cạnh đó, em xin chân thành cảm ơn Công ty TNHH Thanh Phú Phương Thiệp đã tạo điều kiện để em được tiếp cận thực tế và học hỏi trong suốt thời gian thực tập. Đặc biệt, em xin cảm ơn chị Trần Thị Kim Ngân – người hướng dẫn thực tập tại công ty – đã luôn nhiệt tình chỉ bảo, giải thích cặn kẽ và tạo điều kiện cho em tham gia trực tiếp vào công việc chuyên môn, giúp em có cái nhìn rõ hơn về hoạt động quản trị trong doanh nghiệp.

Mặc dù đã nỗ lực hết sức, nhưng do giới hạn về thời gian và kinh nghiệm, khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được những góp ý chân thành từ quý thầy cô để em có thể hoàn thiện hơn trong những nghiên cứu tiếp theo.

Em xin chân thành cảm ơn!

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU

LỜI CẢM ƠN

DANH MỤC HÌNH ẢNH

DANH MỤC BẢNG

DANH MỤC SƠ ĐỒ

DANH MỤC VIẾT TẮT

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HÀNG TỒN KHO	1
1.1. Khái niệm, phân loại và tầm quan trọng của hàng tồn kho	1
1.1.1. Khái niệm về hàng tồn kho	1
1.1.2. Phân loại hàng tồn kho	1
1.1.2.1. <i>Phân loại hàng tồn kho nguyên vật liệu</i>	1
1.1.2.2. <i>Phân loại theo sản phẩm dở dang</i>	1
1.1.2.3. <i>Phân loại hàng tồn kho thành phẩm</i>	2
1.1.3. Vai trò của hàng tồn kho	2
1.2. Quản trị hàng tồn kho đối với hoạt động sản xuất	2
1.2.1. Khái niệm quản trị hàng tồn kho	2
1.2.2. Vai trò của quản trị hàng tồn kho	2
1.2.2.1. <i>Duy trì mức tồn kho hợp lý</i>	2
1.2.2.2. <i>Tiết kiệm chi phí</i>	3
1.2.2.3. <i>Tránh thất thoát hàng hóa</i>	3
1.2.2.4. <i>Tăng doanh thu cho doanh nghiệp</i>	3
1.2.2.5. <i>Tăng hiệu quả vốn lưu động</i>	4
1.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản trị hàng tồn kho	4
1.2.4. Các chi phí liên quan đến quản trị hàng tồn kho	5
1.2.4.1. <i>Chi phí mua hàng</i>	5
1.2.4.2. <i>Chi phí đặt hàng</i>	5
1.2.4.3. <i>Chi phí lưu kho</i>	5
1.2.4.4. <i>Chi phí thiếu hàng</i>	6
1.2.5. Các phương pháp hạch toán hàng tồn kho	6
1.2.5.1. <i>Phương pháp kiểm kê định kỳ</i>	6
1.2.5.2. <i>Phương pháp kê khai thường xuyên</i>	7

1.2.6. Phương pháp tính giá hàng hóa xuất kho	7
1.2.6.1. <i>Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO).....</i>	7
1.2.6.2. <i>Phương pháp bình quân gia quyền</i>	8
1.2.6.3. <i>Phương pháp đích danh</i>	9
1.2.7. Các chỉ tiêu đánh giá công tác hoàn thiện quản lý hàng tồn kho của doanh nghiệp.....	9
1.2.7.1. <i>Chỉ tiêu đánh giá khả năng luân chuyển HTK.....</i>	9
1.2.7.2. <i>Chỉ tiêu hệ số đảm nhiệm hàng tồn kho</i>	10
1.2.8. Các mô hình quản trị hàng tồn kho	10
1.2.8.1. <i>Mô hình lượng đặt hàng kinh tế cơ bản (EOQ)</i>	10
1.2.8.2. <i>Mô hình sản lượng đặt hàng theo sản xuất (POQ)</i>	11
1.2.8.3. <i>Mô hình khấu trừ theo số lượng (QDM).....</i>	12
1.2.9. Rủi ro trong quản trị hàng tồn kho	13
1.2.9.1. <i>Sự gián đoạn nguồn cung ứng.....</i>	13
1.2.9.2. <i>Khả năng tiêu thụ hàng hóa của doanh nghiệp</i>	13
1.2.9.3. <i>Sự biến đổi về chất lượng hàng hóa.....</i>	14
1.2.9.4. <i>Sự biến động của tỷ giá hối đoái.....</i>	14
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ HÀNG TỒN KHO TẠI CÔNG TY TNHH THANH PHÚ – PHƯƠNG THIẾP	15
2.1. Tổng quan về đơn vị thực tập	15
2.1.1. <i>Lịch sử hình thành và phát triển.....</i>	15
2.1.2. <i>Lĩnh vực/sản phẩm kinh doanh.....</i>	16
2.1.3. <i>Tầm nhìn, sứ mệnh và các giá trị cốt lõi.....</i>	19
2.1.3.1. <i>Tầm nhìn.....</i>	19
2.1.3.2. <i>Sứ mệnh</i>	19
2.1.3.3. <i>Các giá trị cốt lõi</i>	20
2.1.3.4. <i>Kết luận</i>	20
2.1.3.5. <i>Cơ cấu tổ chức</i>	20
2.2. Các yếu tố môi trường tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp	21
2.2.1. <i>Các yếu tố vi mô.....</i>	21
2.2.1.1. <i>Khách hàng</i>	21

2.2.1.2. Nhà cung cấp.....	22
2.2.1.3. Đối thủ cạnh tranh	22
2.2.2. Các yếu tố vĩ mô.....	24
2.2.2.1. Kinh tế	24
2.2.2.2. Nhân khẩu học.....	24
2.2.2.3. Điều kiện tự nhiên	25
2.3. Các nguồn lực của doanh nghiệp ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh	25
2.3.1. Cơ sở vật chất.....	25
2.3.2. Nguồn nhân lực	27
2.3.3. Nguồn lực Tài chính và tình hình kinh doanh	28
2.3.3.1. Kết quả hoạt động kinh doanh	29
2.3.3.2. Bảng cân đối kế toán.....	33
2.4. Thực trạng về công tác quản trị hàng tồn kho của Công ty TNHH Thanh Phú – Phương Thiếp.....	35
2.4.1. Đặc điểm hàng tồn kho tại doanh nghiệp	35
2.4.2. Thực trạng về công tác sắp xếp vị trí và bảo quản hàng hóa tại kho	36
2.4.2.1. Công tác sắp xếp vị trí hàng hóa	36
2.4.2.2. Công tác bảo quản hàng hóa	38
2.4.3. Hoạt động xuất nhập kho.....	39
2.4.3.1. Hoạt động nhập kho	39
2.4.3.2. Hoạt động kiểm soát kho.....	42
2.4.3.3. Hoạt động xuất kho	43
2.4.4. Quản lý kho hàng.....	45
2.4.4.1. Quy định.....	45
2.4.4.1.1. Quy định nhập hàng	45
2.4.4.1.2. Quy định xuất hàng	46
2.4.4.1.3. Quy định lưu kho hàng hóa	46
2.4.4.1.4. Quy định kiểm kho	47
2.4.4.1.5. Quy định quản lý hàng hóa	47
2.4.5. Rủi ro trong quản trị hàng tồn kho của doanh nghiệp	48
2.4.5.1. Sự gián đoạn nguồn cung ứng.....	48
2.4.5.2. Sự biến đổi về chất lượng hàng hóa.....	48

2.4.5.3. Khả năng tiêu thụ hàng hóa của doanh nghiệp	48
2.4.6. Đánh giá chung về thực trạng công tác quản trị hàng tồn kho tại Công ty TNHH Thanh Phú – Phương Thiếp.....	48
2.4.6.1. Những kết quả đạt được	48
2.4.6.2. Những hạn chế	49
2.4.6.3. Nguyên nhân.....	50
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN TRỊ HÀNG TỒN KHO TẠI CÔNG TY TNHH THANH PHÚ – PHƯƠNG THIẾP ..	52
3.1. Định hướng phát triển của công ty TNHH Thanh Phú – Phương Thiếp trong thời gian tới	52
3.2. Mục tiêu quản lý kho	53
3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị hàng tồn kho của công ty	54
3.3.1. Ứng dụng mã vạch trong quản trị hàng tồn kho	54
3.3.2. Sử dụng hệ thống phần mềm hỗ trợ quản trị hàng tồn kho	55
3.3.3. Nâng cao chất lượng đội ngũ lao động	57
KẾT LUẬN	58
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	59

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1.1. Mô hình EOQ	10
Hình 1.2. Mô hình (POQ).....	12
Hình 2.1: Logo của công ty TNHH Thanh Phú – Phương Thiếp.....	15
Hình 2.2: Công ty TNHH Thanh phú - Phương thiếp	15
Hình 2.3: Sơ đồ kho hàng chi nhánh Điện Biên Phủ.....	36
Hình 2.4: Các hàng hóa được sắp xếp theo từng loại.....	37
Hình 2.5: Hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH Hòa Phát gửi đến Công ty TNHH Thanh Phú – Phương Thiếp.....	40
Hình 2.6: Phiếu nhập kho của Công Ty TNHH Thanh Phú – Phương Thiếp.....	41
Hình 2.7: Nhân viên giám sát kiểm kê hàng hóa.....	43
Hình 2.8: Biên bản ký nhận hàng	44
Hình 2.9: Phương tiện giao hàng.....	45
Hình 3.1: Giao diện phần mềm KiotViet.....	56

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1: Các sản phẩm của công ty.....	19
Bảng 2.2: Danh sách khách hàng chính của công ty	22
Bảng 2.3: Đối thủ cạnh tranh.....	23
Bảng 2.4: Bảng cơ sở vật chất và trang thiết bị tại các phòng ban.....	26
Bảng 2.5: Bảng cơ sở vật chất và trang thiết bị tại kho.....	26
Bảng 2.6: Bảng nguồn nhân lực	27
Bảng 2.7: Bảng kết quả hoạt động kinh doanh.....	31
Bảng 2.8: Bảng cân đối kế toán.....	33
Bảng 3.1: Bảng tham khảo gói dịch vụ phần mềm	56

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy tổ chức.....	20
Sơ đồ 2.2: Quy trình tiếp nhận hàng hóa	39
Sơ đồ 2.3: Quy trình xuất hàng hóa.....	44

DANH MỤC VIẾT TẮT

Viết tắt	Nguyên nghĩa
HTK	Hàng tồn kho
NVL	Nguyên vật liệu
KKĐK	Kiểm kê định kỳ
KKTX	Kiểm kê thường xuyên
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HÀNG TỒN KHO

1.1. Khái niệm, phân loại và tầm quan trọng của hàng tồn kho

1.1.1. Khái niệm về hàng tồn kho

Hàng tồn kho là những mặt hàng được giữ lại và bán ra cuối cùng trong kho hàng của doanh nghiệp. Nhiều doanh nghiệp giữ hàng tồn kho như một phương án dự phòng hoặc đây chính là nguyên liệu hoặc bán thành phẩm được chuẩn bị cho quy trình sản xuất hàng hóa mới.

Doanh nghiệp sẽ tận dụng hàng tồn kho như một tài sản ngắn hạn, sau đó tiêu thụ hàng hóa hoặc đưa chúng vào quy trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Hàng tồn kho đóng vai trò vô cùng quan trọng trong chuỗi cung ứng, vì giá trị của chúng được tận dụng trong trường hợp cung cấp hàng hóa kịp thời vì khách hàng có thể đặt hàng bất cứ lúc nào, hoặc bổ sung vào sản xuất.

1.1.2. Phân loại hàng tồn kho

Trong doanh nghiệp việc phân loại hàng tồn kho giúp doanh nghiệp có cái nhìn chi tiết và chiến lược về cách và tối ưu hàng tồn kho. Thông thường hàng tồn kho ở mỗi doanh nghiệp được phân ra làm những loại, đó là:

1.1.2.1. Phân loại hàng tồn kho nguyên vật liệu

Trong doanh nghiệp, nguyên vật liệu tồn kho là toàn bộ các loại nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, phụ tùng, bao bì... được doanh nghiệp dự trữ để phục vụ cho quá trình sản xuất, kinh doanh. Đây là một bộ phận quan trọng trong tài sản lưu động, ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí, tiến độ sản xuất và hiệu quả kinh doanh. Ngoài việc tồn kho, doanh nghiệp còn phải chú ý đến chất lượng, nếu sản phẩm ở giai đoạn đầu có chất lượng tốt thì các giai đoạn sau doanh nghiệp sẽ đỡ tốn công kiểm tra chất lượng khi tiến hành sản xuất.

1.1.2.2. Phân loại theo sản phẩm dở dang

Là một dạng hàng tồn kho trung gian gồm các nguyên vật liệu hoặc bán thành phẩm đã trải qua một số công đoạn sản xuất nhưng chưa hoàn tất để trở thành thành phẩm cuối cùng. Đây là phần hàng hóa nằm trong quá trình chuyển đổi giá trị từ nguyên liệu đầu vào thành sản phẩm đầu ra, và là mắt xích quan trọng trong dòng vật tư của chuỗi cung ứng.

1.1.2.3. Phân loại hàng tồn kho thành phẩm

Là những sản phẩm đã hoàn tất toàn bộ quá trình sản xuất, đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng, và sẵn sàng để tiêu thụ hoặc giao cho khách hàng. Những sản phẩm này thường được lưu trữ trong kho thành phẩm của doanh nghiệp trước khi phân phối ra thị trường.

1.1.3. Vai trò của hàng tồn kho

- Đảm bảo cung ứng, dự trữ, sử dụng tiết kiệm các loại vật tư có tác động mạnh mẽ đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Đảm bảo cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được tiến hành liên tục, đều đặn theo đúng kế hoạch.

- Thúc đẩy quá trình luân chuyển nhanh vật tư, sử dụng vốn hợp lý, có hiệu quả và tiết kiệm chi phí.

- Kiểm tra tình hình thực hiện cung cấp vật tư, đối chiếu với tình hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và tình hình kho tàng để kịp thời báo cáo cho bộ phận thu mua để đưa ra những biện pháp khắc phục kịp thời.

- Đảm bảo có đủ hàng hóa thành phẩm để cung ứng ra thị trường.

1.2. Quản trị hàng tồn kho đối với hoạt động sản xuất

1.2.1. Khái niệm quản trị hàng tồn kho

Quản lý hàng tồn kho là một lĩnh vực có chức năng chính là xác định hình dạng và vị trí của hàng hóa lưu kho. Nó được yêu cầu tại các địa điểm khác nhau tại một cơ sở hoặc trong nhiều địa điểm của một mạng lưới cung cấp để đi trước quá trình sản xuất và dự trữ nguyên liệu thường xuyên và theo kế hoạch.

Quản trị hàng tồn kho là việc thực hiện các chức năng quản lý để thiết lập kế hoạch, tiếp nhận, cất trữ, vận chuyển, kiểm soát và cấp phát vật tư nhằm sử dụng tốt nhất các nguồn lực nhằm phục vụ cho khách hàng, đáp ứng mục tiêu của doanh nghiệp.

Quản trị hàng tồn kho là hoạt động kiểm soát sự luân chuyển hàng tồn kho thông qua chuỗi giá trị, từ việc xử lý trong sản xuất đến phân phối.

1.2.2. Vai trò của quản trị hàng tồn kho

1.2.2.1. Duy trì mức tồn kho hợp lý

Quản lý hàng tồn kho giúp doanh nghiệp biết được lượng hàng tồn kho hiện có, cách thức lượng hàng di chuyển để từ đó dự đoán số lượng hàng tồn kho hợp lý, tránh tình trạng thiếu hay dư hàng. Ngoài ra, đối với những giai đoạn biến động nguyên vật

liệu (ví dụ như theo mùa, biến động kinh tế...) việc quản lý kho hiệu quả giúp doanh nghiệp có giải pháp phòng ngừa dự trữ và xử lý phù hợp, kịp thời.

1.2.2.2. Tiết kiệm chi phí

- Tiết kiệm chi phí nguyên, vật liệu, vật tư: việc quản lý thường xuyên giúp doanh nghiệp nắm rõ tình hình kho hàng từng giờ, từng ngày, giúp kiểm soát, điều chỉnh để hạn chế số lượng sản phẩm bị hỏng hóc, hao mòn, quá hạn sử dụng cần tiêu hủy. Từ đó, doanh nghiệp có thể tiết kiệm tốt hơn những khoản chi phí về nguyên, vật liệu. Để làm được điều này, doanh nghiệp cần quy trình thống kê hàng tồn kho chặt chẽ và dự trù để tránh những lãng phí không đáng có.

- Tiết kiệm chi phí lưu kho: chi phí lưu kho phụ thuộc vào số lượng, kích thước hàng hóa mà doanh nghiệp lưu trữ cùng những trang thiết bị và những khoản phí đi kèm cần thiết cho việc lưu trữ hàng hóa này. Hàng hóa càng nhiều, càng công kênh gây tốn không gian và sử dụng nhiều trang thiết bị lưu kho với những khoản phí khác như điện, nước, nhân công sẽ khiến phí lưu kho tăng cao.

- Kiểm soát chi phí mua hàng: việc có kế hoạch mua hàng cụ thể và hợp lý vô cùng quan trọng. Nhất là đối với những ngành liên quan đến dịch vụ ăn uống, bán đồ ăn nhanh, khi giá trị sử dụng của nguyên vật liệu là có hạn, việc kiểm soát lượng hàng đầu vào và dự trữ hàng phù hợp giúp giảm thiểu những khoản lãng phí.

1.2.2.3. Tránh thất thoát hàng hóa

Thất thoát hàng hóa do thất thoát trong kho hàng, tổn thất do trượt giá, do nhân viên gây ra. Những tổn thất do trượt giá, đối với nhiều cửa hàng bán lẻ hàng công nghệ như điện máy, đồ gia dụng... hàng hóa rất nhanh bị “lỗi mốt”, bị thay thế và trượt giá. Mặc dù thường được nhà cung cấp hỗ trợ mức giá tốt nhất, nhưng lợi nhuận của cửa hàng vẫn bị ảnh hưởng lớn bởi trượt giá. Vì vậy, việc kiểm tra, đối chiếu thường xuyên lượng hàng bán ra và lượng hàng tồn kho sẽ giúp cửa hàng tránh được những tổn thất đáng kể, lên kế hoạch nhập hàng phù hợp.

1.2.2.4. Tăng doanh thu cho doanh nghiệp

Kiểm kho thường xuyên giúp doanh nghiệp nhanh chóng biết được mặt hàng nào đang bán chạy để có kế hoạch nhập hàng kịp thời hoặc đưa ra chương trình giảm giá, khuyến mãi với hàng ế, hàng tồn nhiều trong kho. Như vậy, doanh nghiệp sẽ tối ưu được doanh thu và lợi nhuận. Ngoài ra, việc nắm bắt được nhu cầu của khách hàng, từ đó dự đoán được lượng hàng cần thiết để cung ứng, dự trữ và duy trì cho hoạt động sản xuất,

kinh doanh sẽ giúp doanh nghiệp tránh được rủi ro thiếu hụt hàng vào những thời điểm quan trọng trong năm hay khi có sự những thay đổi trong nhu cầu và hành vi người tiêu dùng. Điều này giúp tối ưu hóa doanh thu và lợi nhuận được tốt hơn.

1.2.2.5. Tăng hiệu quả vốn lưu động

Hàng hóa trong kho bao gồm sản phẩm và nguyên vật liệu trong kho là một yếu tố tạo nên vốn lưu động. Nếu hàng hóa trong kho được lưu thông tốt, sẽ giảm được lượng vốn lưu động cho 1 tháng, 1 quý và rút ngắn thời gian quay vòng vốn. Cụ thể là dự trữ lượng vốn lưu động vừa khít thì việc này có ý nghĩa rất lớn đối với nhiều cửa hàng có ngân sách tài chính thấp: Báo cáo số lượng hàng hóa tồn kho theo tuần, ngày, giờ, sẽ giúp người quản lý dễ dàng định hướng cho việc nhập hàng hóa kịp thời, thông qua đó điều chỉnh dòng vốn lưu động... Thay vì phải lên ngân sách vốn cho 1 tháng/1 quý, chủ cửa hàng có thể dự trữ khít hơn bằng cách khai thác triệt để dòng tiền vào.

1.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản trị hàng tồn kho

Hàng tồn kho là một bộ phận của tài sản ngắn hạn, chiếm tỷ trọng lớn có vai trò quan trọng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, các doanh nghiệp cần xác định và xem xét các nhân tố ảnh hưởng đến hàng tồn kho để đưa ra các biện pháp giải quyết.

Sự biến động của giá cả hàng hóa. Giá cả hàng hóa ảnh hưởng rất lớn đến hàng tồn kho của doanh nghiệp. Giá cả của một mặt hàng hóa tăng đồng nghĩa với việc khách hàng mua ít hơn dẫn đến tăng lượng tồn kho của mặt hàng đó gây nên tình trạng ứ đọng và ngược lại. Khả năng mở rộng thị trường một doanh nghiệp có khả năng xâm nhập tốt vào các phân khúc thị trường mới sẽ giúp tăng khả năng tiêu thụ sản phẩm, giảm lượng hàng tồn kho của doanh nghiệp và ngược lại.

Khả năng cung ứng của nhà cung cấp đối với các doanh nghiệp việc lựa chọn nhà cung cấp uy tín, chất lượng là điều khá quan trọng. Nếu nhà cung cấp đảm bảo thời gian giao hàng đúng hạn, kịp thời và liên tục theo yêu cầu của doanh nghiệp thì sẽ không dẫn đến tình trạng thiếu hụt hoặc dư thừa hàng hóa và ngược lại.

Khả năng về vốn của doanh nghiệp. Một doanh nghiệp có khả năng về vốn bị hạn chế dẫn đến không có kinh phí để dự trữ quá nhiều hàng hóa, nhưng trong trường hợp nhu cầu của thị trường tăng sẽ dẫn đến không đủ hàng hóa để cung ứng dẫn đến tình trạng thiếu hụt và ngược lại.

Điều kiện kho bãi. Mặc dù có diện tích kho lớn nhưng điều kiện trong kho lại không đảm bảo được các tiêu chuẩn về bảo quản hàng hóa sẽ dẫn đến tình trạng hư hỏng, giảm chất lượng sản phẩm, tăng các chi phí quản lý kho và ngược lại.

1.2.4. Các chi phí liên quan đến quản trị hàng tồn kho

1.2.4.1. Chi phí mua hàng

Là chi phí cần có để mua hoặc sản xuất ra một món hàng. Chi phí này thường được biểu hiện bằng giá mua của một đơn vị nhân với số lượng hàng mua hoặc sản xuất ra. Nhiều khi giá món hàng được hưởng giảm giá nếu mua cùng một lúc đạt đến số lượng nào đó. Thông thường chi phí mua hàng không ảnh hưởng đến việc lựa chọn các mô hình tồn kho.

1.2.4.2. Chi phí đặt hàng

Chi phí đặt hàng bao gồm chi phí quản lý, giao dịch và vận chuyển hàng hóa. Chi phí cho mỗi lần đặt hàng thường rất ổn định, không phụ thuộc vào số lượng hàng được mua mà phân bổ trên toàn bộ lô hàng. Trong nhiều trường hợp, chi phí đặt hàng thường tỷ lệ thuận với số lần đặt hàng trong năm. Khi khối lượng hàng của mỗi lần đặt hàng nhỏ, thì số lần đặt hàng tăng và chi phí đặt hàng cao. Khi khối lượng mỗi lần đặt hàng lớn, số lần đặt hàng giảm và chi phí đặt hàng cũng thấp hơn.

$$\text{Chi phí} = \text{Số lần đặt hàng trong một năm} \times \text{Chi phí một lần đặt hàng}$$

Khi đơn hàng được thực hiện phí tồn đặt hàng vẫn còn tồn tại, những lúc đó chúng được hiểu như phí tồn chuẩn bị thực hiện đơn hàng. Phí tồn chuẩn bị thực hiện đơn hàng là những chi phí cho việc chuẩn bị máy móc hay công nghệ để thực hiện đơn hàng. Do đó doanh nghiệp cần xác định thời điểm và số lượng cho mỗi lần đặt hàng thật chi tiết để cố gắng tìm ra những biện pháp giảm bớt chi phí chuẩn bị cũng như phí tồn đặt hàng.

Trong nhiều tình huống, chi phí chuẩn bị có mối quan hệ rất mật thiết thời gian chuẩn bị thực hiện đơn hàng. Nếu giảm được thời gian này là một giải pháp hữu hiệu để giảm lượng đầu tư cho tồn kho và cải tiến năng suất.

1.2.4.3. Chi phí lưu kho

Là chi phí phát sinh trong thực hiện hoạt động bảo quản dự trữ hàng, chi phí này tăng tỷ lệ thuận với lượng HTK trung bình hiện có và được chia thành các loại: chi phí lưu giữ và chi phí bảo quản, chi phí hư hỏng và chi phí thiệt hại do HTK bị lỗi thời, chi phí bảo hiểm, chi phí đầu tư vào kho, ngoài ra còn bao gồm tiền lương trả cho nhân viên trông coi và điều hành kho.

1.2.4.4. Chi phí thiếu hàng

Là những khoản bị thiệt hại do không đủ hàng trong kho, mỗi khi doanh nghiệp thiếu HTK nguyên vật liệu cho sản xuất, hoặc thành phẩm cho khách hàng, doanh nghiệp có thể chịu một khoản chi phí như là sự sụt giảm về doanh số bán hàng và gây mất lòng tin đối với khách hàng. Nếu thiếu hụt NVL cho quá trình sản xuất có thể sẽ tạo ra chi phí từ việc phá vỡ quy trình sản xuất dẫn đến giảm doanh thu, gây mất sự tin tưởng, giảm uy tín tới khách hàng.

Chi phí cơ hội của việc thiếu hàng: Mất doanh thu, mất uy tín và đền bù cho khách hàng. Đối với doanh nghiệp tự sản xuất yếu tố đầu vào thì đây là chi phí ngừng sản xuất khi thiếu yếu tố đầu vào.

1.2.5. Các phương pháp hạch toán hàng tồn kho

1.2.5.1. Phương pháp kiểm kê định kỳ

Hàng tồn kho được kiểm tra định kỳ, không phản ánh thường xuyên, liên tục, tại một thời điểm xác định trước và trong một khoảng thời gian nhất định, có thể là tuần, tháng hoặc quý.

$$\text{Giá trị hàng xuất kho trong kỳ} = \text{Giá trị HTK đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng nhập kho trong kỳ} - \text{Giá trị HTK cuối kỳ}$$

Đối với phương pháp KKĐK cần các chứng từ sau: phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, biên bản kiểm kê vật tư, hàng hóa. Cuối kỳ kế toán nhận chứng từ nhập xuất hàng hóa từ thủ kho, kiểm tra và phân loại chứng từ theo từng loại, từng nhóm hàng hóa, ghi giá hạch toán và tính tiền cho từng chứng từ.

Ưu điểm của phương pháp này là đơn giản, giảm nhẹ khối lượng hạch toán. Ngược lại, nhược điểm của nó là vì công việc kiểm tra không được diễn ra thường xuyên nhưng tình hình xuất, nhập kho vẫn diễn ra liên tục nên sẽ gây hạn chế chức năng kiểm tra của kế toán trong quản lý. Đồng thời, sẽ khó phát hiện sai sót nếu khi kiểm kê hàng thực tế nhập kho không trùng với ghi sổ kế toán.

Từ ưu nhược điểm của phương pháp KKĐK có thể thấy rằng phương pháp này phù hợp với các doanh nghiệp kinh doanh mặt hàng có giá trị thấp, số lượng nhiều, nhiều chủng loại, quy cách và các đơn vị sản xuất ra một loại sản phẩm vì trong trường hợp này mới tính được tương đối chính xác giá thành.

1.2.5.2. Phương pháp kê khai thường xuyên

Với hệ thống này, hàng tồn kho được theo dõi thường xuyên, liên tục có hệ thống, bất kỳ một hoạt động nào của xuất nhập đều được ghi chép và cập nhật nhanh chóng.

$\text{Giá trị HTK cuối kỳ} = \text{Giá trị HTK đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng nhập kho trong kỳ} - \text{Giá trị hàng xuất kho trong kỳ}.$

Tương tự, trong phương pháp này cần có các chứng từ sau: Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, biên bản kiểm kê vật tư, hàng hóa. Mọi tình hình biến động tăng giảm và số hiện có của vật tư, hàng hóa đều được phản ánh trên các tài khoản phản ánh hàng tồn kho. Phương pháp KCTX có ưu điểm là xác định, đánh giá về số lượng và trị giá hàng tồn kho vào từng thời điểm xảy ra nghiệp vụ; nắm bắt, quản lý hàng tồn kho thường xuyên, liên tục, góp phần điều chỉnh nhanh chóng kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đồng thời giảm tình trạng sai sót trong việc ghi chép và quản lý.

Từ đó có thể thấy rằng phương pháp này có ưu điểm khá vượt trội nhưng đồng thời cũng có những mặt hạn chế sau: tăng khối lượng ghi chép hằng ngày, gây áp lực cho người làm công tác kế toán.

Phương pháp KCTX thường áp dụng cho các đơn vị sản xuất và các doanh nghiệp thương mại kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn như xe hơi, máy móc, Theo phương pháp này người làm kế toán có thể giúp chủ doanh nghiệp biết được mặt hàng nào đang bán chạy để kịp thời nhập hàng dự trữ và bán hàng. Đồng thời, với các mặt hàng ứ đọng, khó tiêu thụ thì nhanh chóng tìm ra giải pháp để tiêu thụ hàng thu hồi lại vốn.

1.2.6. Phương pháp tính giá hàng hóa xuất kho

1.2.6.1. Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

Nhập trước xuất trước (FIFO) là một phương pháp quản lý và định giá tài sản, trong đó tài sản được sản xuất hoặc mua trước sẽ được bán, sử dụng hoặc xử lý trước.

Theo FIFO, giả định rằng số NVL, sản phẩm, hàng hóa nào được nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau theo giá thực tế của từng lô hàng xuất. Do đó, NVL, sản phẩm, hàng hóa tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập kho cuối cùng. Với phương pháp này giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

Ưu điểm:

- Doanh nghiệp ước tính được ngay trị giá vốn hàng hóa xuất kho trong từng lần.
- Đảm bảo kịp thời cung cấp số liệu cho kế toán chuyển số liệu thực tế cho các khâu tiếp theo cũng như cho quản lý.
- Giá trị hàng tồn kho tương đối sát với giá thị trường khi giá cả hàng hóa không đổi hoặc có xu hướng giảm dần giúp cho chỉ tiêu hàng tồn kho trên các báo cáo tài chính mang ý nghĩa thực tế hơn.

Nhược điểm:

- Theo phương pháp này doanh thu hiện tại có được tạo ra bởi những giá trị đã có được từ cách đó rất lâu làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại.
- Trong trường hợp doanh nghiệp lớn với số lượng, chủng loại mặt hàng nhiều, nhập xuất phát sinh liên tục dẫn đến những chi phí cho việc hạch toán cũng như khối lượng hạch toán, ghi chép sẽ tăng lên rất nhiều.

1.2.6.2. Phương pháp bình quân gia quyền

Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ

Đối với phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của hàng xuất trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán HTK căn cứ giá nhập, lượng hàng tồn kho đầu kỳ để tính giá đơn vị bình quân:

$$\text{Đơn giá bình quân} = (\text{Giá trị HTK đầu kỳ} + \text{giá trị hàng nhập trong kỳ}) / (\text{Số lượng HTK đầu kỳ} + \text{số lượng hàng nhập trong kỳ})$$

Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ

Nhược điểm: Độ chính xác không cao, công việc tính toán dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng đến tiến độ của các phần hàng khác. Chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay thời điểm phát sinh nghiệp vụ

Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập

Đối với phương pháp này, sau mỗi lần nhập kế toán phải xác định đơn giá bình quân của từng loại nguyên vật liệu, công cụ, sản phẩm, hàng hóa. Căn cứ vào đơn giá bình quân và lượng nguyên vật liệu, công cụ, sản phẩm, hàng hóa xuất kho giữa 2 lần nhập kế tiếp để kế toán xác định giá thực tế của hàng xuất kho.

$$\text{Giá trị trung bình sau mỗi lần nhập} = (\text{Giá trị HTK trước khi nhập} + \text{Giá trị hàng nhập mới}) / (\text{Số lượng HTK trước khi nhập} + \text{Số lượng hàng nhập mới})$$

Ưu điểm: Vừa chính xác, vừa cập nhật. Lượng thực tế từng loại tồn sau mỗi lần nhập.

Nhược điểm: Tồn nhiều công sức, tính toán nhiều lần

1.2.6.3. Phương pháp đích danh

Theo phương pháp này, sản phẩm, vật tư, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Phương pháp này tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra.

Đồng thời giá trị HTK được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó. Tuy nhiên, việc áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe, và chỉ áp dụng đối với những doanh nghiệp có ít mặt hàng, HTK có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại HTK nhận diện được.

1.2.7. Các chỉ tiêu đánh giá công tác hoàn thiện quản lý hàng tồn kho của doanh nghiệp

1.2.7.1. Chỉ tiêu đánh giá khả năng luân chuyển HTK

Chỉ tiêu hệ số vòng quay hàng tồn kho

Hệ số vòng quay hàng tồn kho là chỉ tiêu đo lường khả năng quản trị hàng tồn kho và thường được so sánh qua các năm để đánh giá năng lực quản trị hàng tồn kho trong toàn bộ tiến trình hoạt động của doanh nghiệp.

Vòng quay hàng tồn kho = Giá vốn hàng bán / Giá trị trung bình của hàng tồn kho

Số vòng quay hàng tồn kho là số lần mà hàng hóa tồn kho bình quân luân chuyển trong kỳ. Số vòng quay hàng tồn kho càng cao thì chứng tỏ doanh nghiệp hoạt động ổn định và hiệu quả, hàng hóa không bị ứ đọng nhiều.

Vì vậy, hệ số vòng quay hàng tồn kho cần đủ lớn để có thể đáp ứng đủ nhu cầu của thị trường. Tuy nhiên, nếu hệ số này quá cao sẽ dẫn đến hàng hóa trong kho không nhiều dẫn đến không thể cung cấp kịp hàng hóa trong các trường hợp nhu cầu thị trường tăng đột ngột.

Chỉ tiêu thời gian luân chuyển hàng tồn kho

Thời gian luân chuyển hàng tồn kho phản ánh trung bình cứ bao nhiêu ngày hàng tồn kho quay vòng được một lần

Thời gian luân chuyển HTK = Số ngày trong năm (365 ngày) / Số lần quay vòng HTK

Thời gian luân chuyển HTK càng nhanh sẽ giúp doanh nghiệp giảm bớt được vốn dự trữ nhưng vẫn đảm bảo vốn cho nhu cầu sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

1.2.7.2. Chỉ tiêu hệ số đảm nhiệm hàng tồn kho

Chỉ tiêu hệ số đảm nhiệm hàng tồn kho cho biết trung bình để tạo ra một đồng doanh thu thuần cần bao nhiêu đồng vốn đầu tư cho hàng tồn kho

$$\text{Hệ số đảm nhiệm HTK} = \text{Giá trị HTK} / \text{Doanh thu thuần}$$

Hệ số này càng thấp chứng tỏ hiệu quả sử dụng vốn đầu tư cho hàng tồn kho càng cao

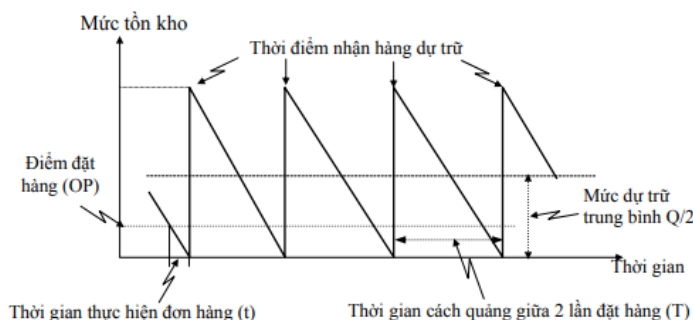
1.2.8. Các mô hình quản trị hàng tồn kho

1.2.8.1. Mô hình lượng đặt hàng kinh tế cơ bản (EOQ)

Số lượng đặt hàng kinh tế (EOQ) là số lượng đặt hàng lý tưởng mà một công ty nên mua cho hàng tồn kho của mình với một chi phí sản xuất, một tỷ lệ nhu cầu nhất định và các biến khác.

Trên thực tế, mô hình EOQ được hầu hết các doanh nghiệp sử dụng mặc dù mô hình đã được đề xuất và ứng dụng từ năm 1915. Do đó, có thể thấy mô hình này rất dễ áp dụng, tuy nhiên các doanh nghiệp cần đặt ra các giải định trước, đó là:

- Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu hàng năm được xác định và ở mức đều
- Chi phí đặt hàng và nhận một đơn hàng không phụ thuộc vào số lượng hàng
- Chi phí tồn trữ là tuyến tính theo số lượng hàng tồn kho.
- Không có chiết khấu theo số lượng hàng hóa: điều này cho phép chúng ta loại chi phí mua hàng hóa ra khỏi tổng chi phí
- Thời gian kể từ khi đặt hàng cho đến khi nhận hàng được xác định



Hình 1.1. Mô hình EOQ

Công thức tính của mô hình EOQ

$$EOQ = \sqrt{\frac{2 \times S \times D}{H}}$$

Trong đó:

- D là số lượng hàng tồn kho cần thiết cho mỗi năm
- S là chi phí phải trả cho mỗi lần đặt hàng, bao gồm chi phí vận chuyển, gọi điện, kiểm tra, giao hàng...
- H là chi phí lưu kho hàng hóa, bao gồm tiền thuê kho bãi, máy móc thiết bị, điện, nước, lương nhân viên...

1.2.8.2. Mô hình sản lượng đặt hàng theo sản xuất (POQ)

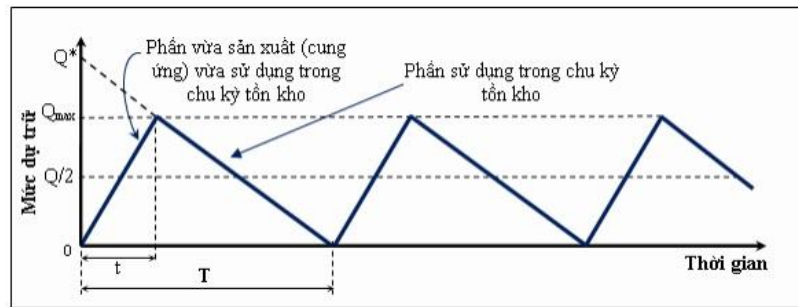
Mô hình sản lượng đặt hàng theo lô sản xuất (POQ) là mô hình dự trữ được ứng dụng khi lượng hàng được đưa đến liên tục hoặc khi sản phẩm vừa được tiến hành sản xuất vừa tiến hành sử dụng hoặc bán ra.

Mô hình này được áp dụng trong trường hợp lượng đặt hàng được đưa đến một cách liên tục, hàng được tích lũy dần cho đến khi lượng đặt hàng được tập kết hết. Đồng thời, cũng áp dụng được trong trường hợp doanh nghiệp vừa sản xuất vừa bán hoặc doanh nghiệp sản xuất lấy vật tư để dùng.

Mô hình POQ khác mô hình EOQ ở điểm đó là hàng được đưa đến làm nhiều lần và nhu cầu sử dụng hàng ngày phải nhỏ hơn mức cung ứng để tránh hiện tượng thiếu hụt.

Giả thiết của mô hình:

- Nhu cầu hàng năm, chi phí tồn trữ và chi phí đặt hàng của một loại vật liệu có thể ước lượng được.
- Không sử dụng tồn kho an toàn, vật liệu được cung cấp theo mức đồng nhất, vật liệu được sử dụng ở mức đồng nhất và tất cả vật liệu được dùng hết toàn bộ khi đơn hàng kế tiếp về đến.
- Nếu hết tồn kho thì sự đáp ứng khách hàng và các chi phí khác không đáng kể.
- Không có chiết khấu theo số lượng.
- Mức cung cấp lớn hơn mức sử dụng.



Hình 1.2. Mô hình (POQ)

Công thức tính của mô hình POQ

$$POQ = \sqrt{\frac{2DS}{H(1-d/p)}}$$

Trong đó:

- p là mức sản xuất (mức cung ứng) hàng ngày
- d là nhu cầu sử dụng hàng ngày ($d < p$)
- t là thời gian sản xuất để có đủ số lượng cho 1 đơn hàng (hoặc thời gian cung ứng)
- Q là sản lượng của đơn hàng
- H là chi phí dự trữ cho 1 đơn vị mỗi năm

1.2.8.3. Mô hình khấu trừ theo số lượng (QDM)

Trên thực tế, chúng ta thấy các doanh nghiệp nhằm mục đích tăng doanh số họ thường áp dụng chính sách chiết khấu khi mua số lượng lớn. Đó chính là chính sách khấu trừ theo số lượng. Khi lượng mua hàng tăng lên mỗi lần, doanh nghiệp mua hàng sẽ được hưởng mức giá mua một đơn vị sản phẩm thấp hơn và chi phí đặt hàng giảm, nhưng dự trữ trong kho sẽ tăng lên làm cho chi phí lưu kho tăng.

Công thức tính QDM

Bước 1: Xác định mức sản lượng tối ưu ở từng mức khấu trừ

Trong đó:

$$QDM = \sqrt{\frac{2DS}{I \times Pr}}$$

- D: Nhu cầu tính theo đơn vị (hàng năm)
- S: Chi phí đặt hàng
- Pr là giá mua hàng hoá
- I là tỉ lệ % chi phí dự trữ tính theo giá mua hàng hoá

Bước 2: Điều chỉnh sản lượng những đơn hàng không đủ điều kiện lên mức sản lượng phù hợp.

Nếu lượng hàng thấp không đủ điều kiện để hưởng mức giá khấu trừ, cần điều chỉnh lượng hàng lên đến mức tối thiểu. Còn nếu lượng hàng cao hơn thì điều chỉnh xuống bằng mức tối đa.

Bước 3: Tính tổng chi phí theo mức sản lượng đã điều chỉnh

Bước 4: Chọn Q^* có tổng mức phí hàng dự trữ thấp nhất

1.2.9. Rủi ro trong quản trị hàng tồn kho

1.2.9.1. Sự gián đoạn nguồn cung ứng

Sự gián đoạn nguồn cung ứng là một trong những rủi ro thường gặp trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt đối với những hàng hóa nhập khẩu và mang tính chất thời vụ. Sự gián đoạn nguồn cung ứng cũng có thể xảy ra khi hoạt động mua hàng của doanh nghiệp không được thực hiện. Trên thực tế, muốn dự trữ một lượng lớn hàng tồn kho thì cần một khoản chi phí khá lớn.

Do vậy, đối với việc quản trị hàng tồn kho hiệu quả thì doanh nghiệp cần xác định lượng hàng tồn kho thấp nhất. Tuy nhiên, đối với nhà quản trị bán hàng thì lại muốn lượng hàng tồn kho tương đối cao, đặc biệt là khi cắt giảm nguồn cung ứng được báo trước.

1.2.9.2. Khả năng tiêu thụ hàng hóa của doanh nghiệp

Trong bối cảnh kinh tế hội nhập như hiện nay, cạnh tranh trở thành một yếu tố mang tính quyết định đến sự tồn tại và phát triển của mỗi doanh nghiệp. Do đó, khả năng tiêu thụ của doanh nghiệp phụ thuộc khá nhiều vào những chiến lược mà doanh nghiệp áp dụng. Bên cạnh đó, các yếu tố như: nguồn lực của doanh nghiệp, giá cả, đặc tính của sản phẩm (đặc điểm khác biệt hóa, mẫu mã, bao bì, chất lượng), khách hàng (thu nhập, sự trung thành, thói quen tiêu dùng). Ngoài ra, khả năng xâm nhập và tấn công vào các thị trường mới cũng ảnh hưởng rất lớn tới việc tiêu thụ hàng hóa.

Vì vậy, nếu khả năng xâm nhập vào các thị trường mới lớn thì doanh nghiệp cần dự trữ một lượng hàng tồn kho đảm bảo để có thể đáp ứng kịp thời các hoạt động tiêu thụ trên các thị trường đó. Ngược lại, nếu khả năng xâm nhập và tấn công vào các thị trường thấp thì doanh nghiệp cần xác định lượng hàng tồn kho hợp lý tránh ứ đọng hàng hóa.

1.2.9.3. Sự biến đổi về chất lượng hàng hóa

Đối với hầu hết tất cả các doanh nghiệp yếu tố chất lượng hàng hóa đóng vai trò rất quan trọng trong việc tiêu thụ hàng hóa của mình. Do đó, mức tồn kho hàng hóa bị chi phối bởi chất lượng hàng hóa trong kho.

Vì vậy, nếu doanh nghiệp thực hiện công tác bảo quản hàng tồn kho tốt sẽ dẫn đến chất lượng hàng hóa được đảm bảo đồng nghĩa mức tồn kho giảm xuống và ngược lại. Chất lượng hàng hóa biến đổi đa phần đều do các nguyên nhân sau: khí hậu, nhiệt độ, đặc điểm tính chất hàng hóa, kỹ thuật bảo quản và các thiết bị bảo quản.

1.2.9.4. Sự biến động của tỷ giá hối đoái

Sự biến động của tỷ giá hối đoái là một trong những rủi ro lớn đối với công tác quản trị hàng tồn kho của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu. Sự thay đổi đột ngột của tỷ giá gây trở ngại khá lớn trong công tác dự báo chính xác tỷ giá.

Vì vậy, để đối mặt với rủi ro này các doanh nghiệp thường lựa chọn đồng tiền mạnh để xác định giá trị sản phẩm hàng hóa dự trữ tồn kho.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ HÀNG TỒN KHO TẠI CÔNG TY TNHH THANH PHÚ – PHƯƠNG THIẾP

2.1. Tổng quan về đơn vị thực tập



Hình 2.1: Logo của công ty TNHH Thanh Phú – Phương Thiếp



Hình 2.2: Công ty TNHH Thanh phú - Phương thiếp

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Doanh nghiệp Thương mại & Dịch vụ Phương Thiếp ra đời từ năm 1990, để bắt kịp xu hướng phát triển kinh tế của xã hội.

Năm 1999 doanh nghiệp Thương mại & Dịch vụ Phương Thiếp trở thành công ty TNHH Thanh Phú.

Hơn 20 năm hoạt động, công ty TNHH Thanh Phú đã khẳng định và trở thành Doanh nghiệp ưu tú có nhiều uy tín trên thị trường, đi đầu trong lĩnh vực kinh doanh trực tiếp các sản phẩm sắt thép do các nhà máy trong và ngoài nước sản xuất.

Là trung tâm phân phối sắt thép lớn khu vực miền Trung Tây Nguyên, với các sản phẩm hàng hoá đa dạng như: Thép xây dựng, thép lá, thép tấm, tôn kẽm, hộp kẽm, tuýp kẽm, hộp vuông kẽm... với các thương hiệu nổi tiếng như Minh Ngọc, Hòa Phát, Việt Đức, Minh Phú, Hùng Vỹ...

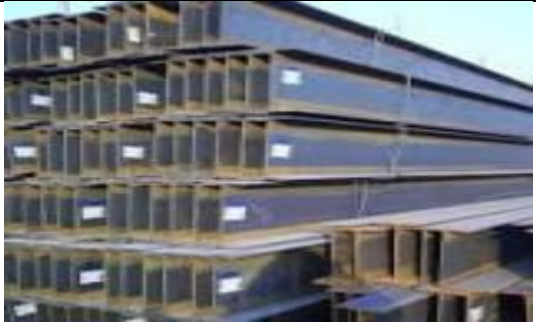
Hiện nay, công ty TNHH Thanh Phú - Phương Thiếp cũng đã và đang cung cấp vật tư sắt thép chuyên nghiệp cho các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp cầu đường, đóng tàu, cơ khí và chế tạo máy...

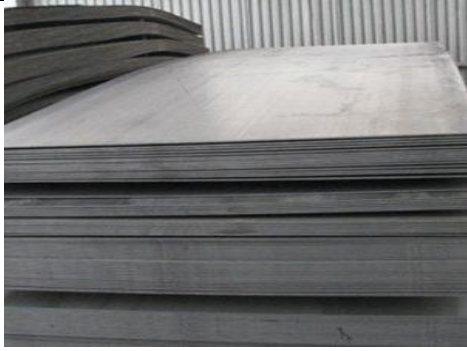
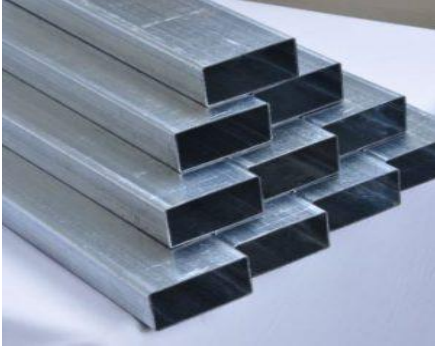
Một số thông tin khác:

- + Tên công ty đầy đủ: Công ty TNHH Thanh Phú - Phương Thiếp.
- + Giám đốc: Nguyễn Thanh Phương.
- + Trụ sở chính: 718 Điện Biên Phủ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.
- + Kho hàng
 - Trụ sở 1: 718 Điện Biên Phủ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.
 - Trụ sở 2: Thanh Vinh - chi nhánh Bình Định.
- + Điện thoại: (0236)3759514 - (0236)3842337
- + Fax: (0236)3712442
- + Mã số thuế: 0400395585
- + Email: thanhphuphuongthiep@gmail.com
- + Website: www.thepphuongthiep.vn

2.1.2. Lĩnh vực/sản phẩm kinh doanh

Công ty TNHH Thanh Phú – Phương Thiếp là trung tâm phân phối sắt thép lớn của khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Vì vậy, lĩnh vực kinh doanh của công ty có đầy đủ, đa dạng các mặt hàng, chủng loại về sắt thép để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của tất cả khách hàng trong khu vực. Các mặt hàng như:

TÊN SẢN PHẨM	HÌNH ẢNH
Tôn cuộn	
Thép tấm	
Thép iposco	
Thép vuông đặc	
Kẽm gai	

Thép tấm mangan	
Thép I	
Thép hộp chữ nhật mạ kẽm	
Ống tuýt mạ kẽm	
Thép tròn trơn	

Thép tấm cuộn	
Lưới rào	
Các sản phẩm khác.....	

Bảng 2.1: Các sản phẩm của công ty

Với đặc tính chịu lực, chịu nhiệt cao, kết cấu bền vững nên thép ngày càng được phổ biến rộng rãi và ưa chuộng trên thị trường. Vì vậy, các nguyên liệu thay thế khác như: Gỗ, nhựa sẽ có thể thay thế được cho phép, tuy nhiên lại có nhược điểm là phải có chế độ bảo quản tốt. Nếu không được bảo quản tốt sẽ dễ bị ăn mòn, gỉ sắt... Làm ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa và sự uy tín của công ty.

2.1.3. Tầm nhìn, sứ mệnh và các giá trị cốt lõi

2.1.3.1. Tầm nhìn

Mục tiêu dài hạn: Thanh Phú Phương Thiệp hướng tới vị trí dẫn đầu trong ngành, không chỉ trong nước mà còn vươn ra thị trường quốc tế.

Phát triển bền vững: Công ty cam kết phát triển bền vững, đồng hành cùng cộng đồng và bảo vệ môi trường.

Đổi mới: Luôn tìm kiếm và áp dụng những công nghệ mới, những giải pháp sáng tạo để nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ.

2.1.3.2. Sứ mệnh

Cung cấp sản phẩm chất lượng: Mang đến cho khách hàng những sản phẩm thép chất lượng cao, đáp ứng mọi yêu cầu về kỹ thuật và thẩm mỹ.

Đáp ứng nhu cầu khách hàng: Hiểu rõ nhu cầu của khách hàng và luôn sẵn sàng đáp ứng một cách nhanh chóng và hiệu quả.

Xây dựng mối quan hệ lâu dài: Xây dựng mối quan hệ hợp tác bền vững với đối tác và khách hàng.

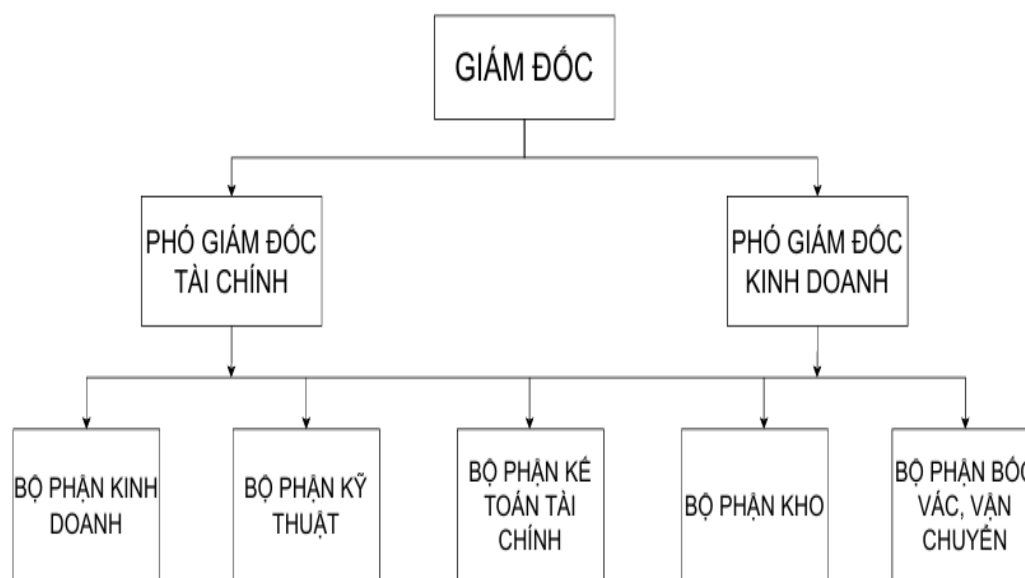
2.1.3.3. Các giá trị cốt lõi

Với phương châm: “CHẤT LƯỢNG – TIẾN ĐỘ – GIÁ CẢ”, Công ty chúng tôi ngày càng khẳng định được thương hiệu của mình trên thị trường trong nước và nước ngoài. Chúng tôi cam kết cung cấp tới Quý khách hàng những sản phẩm đạt: “Chất lượng tốt nhất, tiến độ nhanh nhất, giá cả hợp lý nhất và dịch vụ hoàn hảo nhất”.

2.1.3.4. Kết luận

Với Tầm nhìn, Sứ mệnh và Giá trị cốt lõi rõ ràng, Công ty TNHH Thanh Phú Phương Thiếp đang không ngừng nỗ lực để trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực thép.

2.1.3.5. Cơ cấu tổ chức



(Nguồn: Bộ phận kế toán)

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy tổ chức

Chức năng nhiệm vụ các phòng ban:

- Đứng đầu là giám đốc công ty ông Nguyễn Thanh Phương là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh của công ty. Có trách nhiệm pháp lý và là người kiến nghị các giải pháp phát triển công ty ở hiện tại và trong tương lai.
- Phó giám đốc là bà Nguyễn Phương Thiếp, tiếp nhận nhiệm vụ từ giám đốc. Hoạch định, tổ chức, điều hành và quản lý các hoạt động ngắn hạn để hoàn thành được mục tiêu mà giám đốc đề ra.

- Bộ phận kinh doanh có nhiệm vụ suy nghĩ các chiến lược kinh doanh tốt nhất cho doanh nghiệp. Và đem tới sự đáp ứng tốt nhất cho khách hàng, làm cho khách hàng hài lòng với doanh nghiệp về dịch vụ bán hàng và về hàng hóa.

- Bộ phận kỹ thuật có nhiệm vụ báo cáo về các trang thiết bị, máy móc có bị hư hỏng, có sử dụng được tốt không.

- Bộ phận kế toán, tài chính có nhiệm vụ quản lý mọi đơn hàng, mọi khách hàng lớn nhỏ, quản lý tiền bạc, viết hóa đơn cho khách.

- Bộ phận kho có nhiệm vụ quản lý mọi máy móc, trang thiết bị và hàng hóa trong kho.

- Bộ phận bốc vác vận chuyển chuyên sắp xếp hàng hóa lên xe và giao hàng cho khách.

2.2. Các yếu tố môi trường tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

2.2.1. Các yếu tố vi mô

2.2.1.1. Khách hàng

- Khách hàng chủ yếu của công ty TNHH Thanh Phú là các đại lý và có một số ít là khách hàng cá nhân. Nhà phân phối lâu năm trong lĩnh vực sắt thép tại miền Trung và Tây Nguyên.

- Đặc điểm của các đại lý bán buôn:

- + Thường mua hàng hóa với số lượng lớn.

- + Mua hàng hóa ở dạng hợp đồng.

- + Rất chú trọng đến uy tín của công ty.

- + Mua hàng theo nhu cầu mỗi tháng, quý, năm.

- + Thường không toán tiền ngay sau khi mua.

- Đặc điểm của khách hàng cá nhân :

- + Thường mua hàng hóa với số lượng nhỏ, ít.

- + Mua hàng hóa ở dạng hóa đơn bán lẻ.

- + Không chú trọng đến uy tín của công ty.

- + Quan tâm nhiều đến chất lượng và giá cả hàng hóa.

- + Mua hàng không theo định kỳ.

- + Thanh toán tiền ngay sau khi mua.

STT	Tên khách hàng	Địa chỉ
1	Công ty TNHH Văn Nghĩa	234 Trần Hưng Đạo, thành phố Quảng Ngãi
2	DNTN Ánh	253 Âu Cơ, thành phố Đà Nẵng
3	Công ty CP thép Nhân Luật	277 Nguyễn Văn Thoại, thành phố Đà Nẵng
4	DNTN Quốc Hùng	Lô 11b Trần Đức Thảo, Bình Định

Bảng 2.2: Danh sách khách hàng chính của công ty

2.2.1.2. Nhà cung cấp

- Công ty TNHH Sản Xuất & Thương Mại Minh Ngọc
- Tập đoàn thép Hòa Phát
- Công ty cổ phần sản xuất thương mại thép Hùng Vĩ
- Công ty cổ phần ống thép Việt Đức VG PiPe

➤ Các nhà cung cấp như tập đoàn thép Hòa phát, Minh Ngọc... cung cấp các sản phẩm thép với các hình dạng khác nhau cho công ty như hộp kẽm, thép chữ I... có uy tín trên thị trường Việt Nam. Nâng cao uy tín của công ty khi chọn các nhà cung cấp uy tín. Tối ưu hóa chi phí và xây dựng mối quan hệ hợp tác lâu dài.

➤ Giúp công ty đảm bảo chất lượng đầu vào, sản phẩm chất lượng cao đảm bảo về kỹ thuật, an toàn và môi trường.

2.2.1.3. Đối thủ cạnh tranh

- Thị trường sắt thép miền trung và Tây Nguyên hiện nay có nhiều nhà phân phối với quy mô rộng lớn, vì vậy sự cạnh tranh giữa các công ty kinh doanh trong lĩnh vực sắt thép rất gay gắt và khốc liệt, phải kể đến là: Công ty TNHH Tấn Quốc, Công Ty TNHH MTV Hoàng Trọng Tín:

TÊN CÔNG TY	ĐIỂM MẠNH	ĐIỂM YẾU
Công ty TNHH Tấn Quốc <i>Trụ sở chính: 111 Núi Thành, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.</i>	- Kinh nghiệm và uy tín: dày kinh nghiệm và là đối tác tin cậy của nhiều công trình trọng điểm tại Đà Nẵng và khu vực Miền Trung – Tây nguyên - Đa dạng sản phẩm sắt thép chất lượng	- Hiện tại thông tin của công ty như quy mô sản xuất, công nghệ và nhân sự của công ty còn hạn chế - Thị trường cạnh tranh công ty không ngừng cải tiến sản phẩm và nâng cao dịch vụ

	- Đầu tư cơ sở vật chất: Xây văn phòng và nhà kho rộng 5000m² - Nắm bắt cơ hội thị trường tốt và đầu tư mở rộng sản xuất	- Biến động giá cả trên thị trường
Công Ty TNHH MTV Hoàng Trọng Tín <i>Trụ sở chính:</i> 163-165 Nguyễn Thiện Kế, Quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng.	- Có nhiều năm hoạt động trong lĩnh vực thép, xây dựng được uy tín nhất định trên thị trường - Sản phẩm đa dạng đáp ứng được nhu cầu của khách hàng - Mạng lưới phân phối rộng - Dịch vụ tốt: nhân viên chuyên nghiệp, giao hàng đúng hạn	- Thông tin về quy mô sản xuất, công nghệ, chứng nhận chất lượng để tăng thêm độ tin cậy cho công ty còn hạn chế - So với các đối thủ thương hiệu của công ty chưa được nhiều người biết đến rộng rãi - Cạnh tranh trong thị trường thép công ty cần phải có chiến lược marketing hiệu quả để thu hút khách hàng
Công ty TNHH Thanh Phú	- Kinh nghiệm: với gần 30 năm hoạt động công ty đã tích lũy nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực thép - Công ty có nhiều đại lý - Đa dạng sản phẩm - Chất lượng sản phẩm cao, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế - Giá cả cạnh tranh: với phương châm Chất lượng – Tiến bộ - Giá cả	- Kênh truyền thông công ty còn hạn chế - Phụ thuộc vào nhà cung cấp chưa tự sản xuất được - Cạnh tranh nhiều bắt buộc công ty không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm

Bảng 2.3: Đối thủ cạnh tranh

➤ Kết luận: So với hai đối thủ cạnh tranh công ty TNHH Thanh Phú – Phương Thiếp có lợi thế hơn. Vì công ty với gần 30 năm hoạt động trên thị trường thép tại Đà Nẵng. Tạo được uy tín với khách hàng và có các nhà cung cấp sản phẩm uy tín như Tập đoàn thép Hòa Phát...

2.2.2. Các yếu tố vĩ mô

2.2.2.1. Kinh tế

Tại thị trường Việt Nam thị trường thép năm 2024 đã chứng kiến sự tăng trưởng đáng kể. Đặc biệt trong nửa đầu năm. Sản lượng và tiêu thụ tăng so với cùng kỳ năm trước, cho thấy nhu cầu xây dựng và sản xuất công nghiệp trong nước vẫn đang rất mạnh.

Xuất khẩu tăng và giá cả ổn định: Mở rộng tiêu thụ ra nước ngoài, giúp các doanh nghiệp sản xuất có thể kiểm soát tốt hơn chi phí

Thị trường Đà Nẵng với sự phát triển nhanh chóng của các dự án xây dựng, hạ tầng và bất động sản đóng vai trò quan trọng trong việc tiêu thụ thép. Tuy nhiên năm 2024 hoạt động kinh doanh thép tại đây cũng chịu tác động từ nhiều yếu tố:

- Thị trường bất động sản và các dự án hạ tầng biến động từ giá cả đến nguồn cung ảnh hưởng đến nhu cầu thép xây dựng.
- Chính sách về đầu tư xây dựng ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn của các doanh nghiệp.
- Cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trở nên gay gắt đòi hỏi doanh nghiệp phải có chiến lược kinh linh hoạt.

➤ Kinh tế đà nẵng trên đà phát triển với những dự án đầu tư và các bất động sản ảnh hưởng tích cực đến công ty nhưng kinh tế phát triển thì khả năng cạnh tranh giữa các đối thủ rất cao. Vì thế công ty nên đầu tư vào các công nghệ hiện đại, giảm thiểu tác động đến môi trường và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường.

2.2.2.2. Nhân khẩu học

- Tại Đà Nẵng thì nhân khẩu học có các đặc điểm: Dân số Đà Nẵng tiếp tục tăng trưởng ổn định, chủ yếu do sự gia tăng dân số tự nhiên và sự di cư từ các tỉnh thành khác đến.

- Mật độ dân số cao: Với diện tích tương đối nhỏ so với các thành phố khác, Đà Nẵng có mật độ dân số khá cao, tập trung chủ yếu ở các quận trung tâm.

- Cấu trúc dân số

▪ Tỷ lệ dân số trẻ: Đà Nẵng vẫn duy trì tỷ lệ dân số trẻ khá cao, tạo động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

▪ Thay đổi cơ cấu độ tuổi: Cơ cấu độ tuổi có xu hướng già đi nhẹ, do tuổi thọ trung bình tăng và tỷ lệ sinh giảm.

▪ Tỷ lệ dân số thành thị: Tỷ lệ dân số thành thị ngày càng tăng, phản ánh quá trình đô thị hóa nhanh chóng của thành phố.

➤ Dân số thay đổi sẽ tác động trực tiếp đến sự thay đổi của chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp. Những số liệu về dân số của từng khu vực khác nhau sẽ cung cấp những dữ liệu quan trọng, dựa vào đó mà công ty sẽ xây dựng được những hoạch định về chiến lược sản phẩm, chiến lược thị trường, phân phối và quảng cáo. Đây là thời điểm người dân có nhu cầu xây nhà và là môi trường kinh doanh thuận lợi cho công ty với nhu cầu về sản phẩm tăng cao, thị trường rộng mở và chuỗi cung ứng ổn định.

2.2.2.3. Điều kiện tự nhiên

Mưa bão: Đà Nẵng nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của các cơn bão trong mùa mưa, đặc biệt là từ tháng 9 đến tháng 12. Điều này có thể gây gián đoạn trong các hoạt động sản xuất, vận chuyển nguyên liệu và giao hàng, làm tăng chi phí và thời gian sản xuất.

Bão lũ và ngập úng: Những hiện tượng thời tiết cực đoan như bão, lũ, hoặc ngập úng có thể ảnh hưởng đến cơ sở vật chất của công ty, làm gián đoạn sản xuất hoặc gây thiệt hại cho hàng hóa. Công ty cần có kế hoạch phòng ngừa và bảo vệ để giảm thiểu các rủi ro này.

➤ Điều kiện tự nhiên của Đà Nẵng có thể ảnh hưởng trực tiếp đến các yếu tố như chi phí sản xuất, tiến độ giao hàng, chất lượng sản phẩm, và khả năng cạnh tranh của công ty. Để duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh, Công ty TNHH Thép Thanh Phú Phương Thiếp cần phải linh hoạt và chủ động trong việc ứng phó với các yếu tố tự nhiên này, chẳng hạn như đầu tư vào hệ thống phòng chống thiên tai, nâng cấp cơ sở hạ tầng sản xuất, và tuân thủ các quy định môi trường để giảm thiểu rủi ro và tận dụng các cơ hội từ điều kiện tự nhiên.

2.3. Các nguồn lực của doanh nghiệp ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh

2.3.1. Cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất và trang thiết bị	Số lượng
Camera	20
Máy tính	40
Máy in	10
Bàn ghế	40

Cơ sở vật chất và trang thiết bị	Số lượng
Điều hòa	6
Quạt	10
Bình chữa cháy	6
Tủ đựng chứng từ và vật dụng	10

Bảng 2.4: Bảng cơ sở vật chất và trang thiết bị tại các phòng ban

➤ Hiện tại cơ sở vật chất tại công ty đã đáp ứng được nhu cầu sử dụng của nhân viên. Nhưng đôi lúc công ty lại thiếu máy tính do những người phụ làm giấy tờ cho công ty làm việc trong những ngày cần kiểm tra giấy tờ mà không đủ nguồn lực. Vì thế công ty nên đầu tư thêm 1 đến 2 cái máy tính để không bị thiếu máy cho nhân viên.

Cơ sở vật chất và trang thiết bị	Số lượng
Camera	8
Bóng đèn	9
Cân điện tử	2
Xe tải	6
Xe ba gác	2
Máy phát điện	1
Máy hàng	1
Máy tính	2
Máy nâng	2
Quạt	3
Bình chữa cháy	6
Tủ đựng chứng từ và vật dụng	1
Loa	1

Bảng 2.5: Bảng cơ sở vật chất và trang thiết bị tại kho

➤ Cơ sở vật chất tại kho đáp ứng được nhu cầu của nhân viên tại kho và khách hàng. Với nhu cầu khách hàng hiện nay công ty nên đầu tư thêm xe ba gác để tiện giao hàng cho khách hàng tại Đà Nẵng.

2.3.2. Nguồn nhân lực

Chỉ tiêu	2023		2024		2024/2023	
	Số lượng	Tỉ lệ%	Số lượng	Tỉ lệ%	Chênh lệch (±)	Tỉ lệ % Chênh lệch (±)
Tổng số lượng	69	100	65	100	-4	-5,8
I. Giới tính						
1. Nam	37	53,62	34	52,31	-3	-8,1
2. Nữ	32	46,38	31	47,69	-1	-1,31
II. Trình độ học vấn						
ĐH & Cao Đẳng	41	59,42	36	55,38	-5	-12,2
Lao động phổ thông	28	40,58	29	44,62	1	3,57
III. Độ tuổi						
1. Dưới < 25	0	0	3	4,62	3	0
2. Từ 25 > 40	35	50,72	31	47,69	-4	-11,43
3. Từ > 40	34	49,28	31	47,69	-3	-8,82

Bảng 2.6: Bảng nguồn nhân lực

❖ Tổng số nhân viên

Tổng số lượng nhân viên năm 2024/2023 có sự giảm nhẹ từ 69 nhân viên vào năm 2023, nhưng đến năm 2024 giảm xuống còn 65 nhân viên. Tức là giảm 4 nhân viên, tương ứng giảm 5,8%. Vì công ty cơ cấu lại bộ máy tổ chức, tinh gọn nhân sự để phù hợp với quy mô và nhu cầu thực tế.

❖ Giới tính

Trong đó nhân viên nam và nữ vào cả 2 năm đều chiếm 1 tỉ lệ tương đối như nhau. Trên 50% đối với nam và trên 45% đối với nữ. Điều này cho thấy tỷ lệ nhân viên nam cao ở các bộ phận ngoài kho còn nhân viên nữ chiếm tỷ lệ cao ở các bộ phận văn phòng. Vì công ty làm về sắt thép nên tỷ lệ nhân viên nam nhiều hơn nhân viên nữ là hợp lý.

❖ Trình độ học vấn

Trình độ học vấn ĐH và Cao Đẳng năm 2023 – 2024 chiếm tỷ lệ lần lượt là 59,42% – 55,38%. Lao động phổ thông năm 2023 – 2024 có tỷ lệ là 40,58% - 44,62%. Điều này

cho thấy trình độ học vấn của công ty cao ở các bộ phận như văn phòng còn lao động phổ thông là các bộ phận như các thợ bốc vác và sắt thép.

❖ **Độ tuổi**

Độ tuổi dưới 25 đến năm 2024 mới có 3 người dưới 25 tuổi. Năm 2023 – 2024 độ tuổi từ 25 - 40 và trên 40 tuổi đều chiếm 1 tỉ lệ tương đối như nhau. Năm 2023 trên 50% đối với độ tuổi từ 25 - 40, trên 49% đối với độ tuổi trên 40. Năm 2024 chiếm tỷ lệ trên 47% đối với độ tuổi từ 25 - 40 và trên 40. Trong cả hai năm 2023 và 2024, độ tuổi từ 25 đến 40 là nhóm chiếm tỷ lệ cao nhất, mặc dù sự chênh lệch với nhóm trên 40 là không lớn. Đây là nhóm tuổi lao động chính, có sức khỏe tốt, kinh nghiệm ổn định và có khả năng thích ứng nhanh với công việc.

2.3.3. Nguồn lực Tài chính và tình hình kinh doanh

2.3.3.1. Kết quả hoạt động kinh doanh

CÔNG TY TNHH THANH PHÚ								
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH								
Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	2023/2022		2024/2023	
					Chênh lệch (±)	Tỉ lệ % Chênh lệch (±)	Chênh lệch (±)	Tỉ lệ % Chênh lệch (±)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	2.327.098.500.388	1.579.731.165.802	1.593.166.149.656	-747.367.334.586	-32,12	13.434.983.854	0,85
1. Doanh Thu Bán Hàng 5111	101	2.042.824.302.747	1.443.740.274.403	1.593.166.149.656	-599.084.028.344	-29,33	149.425.875.253	10,35
1. Doanh Thu Bán V.A.T 5118	102	17.701.474.048	7.322.169.105		-10.379.304.943	-58,64	-7.322.169.105	-100,00
1. Doanh Thu khác	104	4.842.647.060	38.046.732.477		33.204.085.417	685,66	-38.046.732.477	-100,00
2. Các khoản giảm trừ	02	1.936.543.236	1.758.931.665		-177.611.571	-9,17	-1.758.931.665	-100,00

3. Doanh thu thuần về BH và c/c DV (10=01- 02)	10	2.325.161.957.152	1.577.972.234.137	1.593.166.149.656	-747.189.723.015	-32,13	15.193.915.519	0,96
4. Giá vốn hàng bán	11	2.280.269.422.183	1.529.395.841.018	1.532.554.989.783	-750.873.581.166	-32,93	3.159.148.765	0,21
5. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV (20=10-11)	20	44.892.534.969	48.576.393.119	60.611.159.873	3.683.858.151	8,21	12.034.766.754	24,77
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.203.667.726	2.662.681.444	1.055.845.704	-2.540.986.282	-48,83	-1.606.835.740	-60,35
7. Chi phí tài chính	22	16.125.445.759	24.174.744.114	18.793.840.901	8.049.298.355	49,92	-5.380.903.213	-22,26
8. Chi phí bán hàng	24	0	0	6.600.000	0	0,00	6.600.000	0,00
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	70.094.394.410	58.106.278.366	68.995.637.388	-11.988.116.044	-17,10	10.889.359.022	18,74
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30	-36.123.637.474	-31.041.947.917	-26.129.072.712	5.081.689.558	-14,07	4.912.875.205	-15,83
11. Thu nhập khác	31	4.839.327.060	38.046.732.477	41.060.522.317	33.207.405.417	686,20	3.013.789.840	7,92

12. Chi phí khác	32		24.000.000	0	24.000.000		-24.000.000	-100,00
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	4.839.327.060	38.022.732.477	41.060.522.317	33.183.405.417	685,70	3.037.789.840	7,99
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	-31.284.310.414	6.980.784.560	14.931.449.605	38.265.094.975	-122,31	7.950.665.045	113,89
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	-31.284.310.414	6.980.784.560	14.931.449.605	38.265.094.975	-122,31	7.950.665.045	113,89

Bảng 2.7: Bảng kết quả hoạt động kinh doanh

Doanh thu thuần:

Doanh thu thuần năm 2023 so với năm 2022 giảm mạnh: Năm 2022 là 2.327.098.500.388 tỷ nhưng đến năm 2023 giảm xuống còn 1.579.731.165.802 tỷ, tức là giảm 747.367.334.586 tỷ tương đương giảm 32,12%. Điều này cho thấy doanh nghiệp đang gặp khó khăn trong việc bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm qua. Có thể do nhiều yếu tố như: cạnh tranh thị trường tăng cao, suy giảm sức mua của khách hàng, thay đổi trong xu hướng tiêu dùng, hoặc các vấn đề nội tại của doanh nghiệp

Doanh thu thuần năm 2024 so với năm 2023 tăng nhẹ: Năm 2023 là 1.579.731.165.802 tỷ nhưng đến năm 2024 tăng nhẹ lên 1.593.166.149.656 tỷ tức là tăng 15.193.915.519 tỷ tương đương tăng 0,96%. Mặc dù mức tăng không lớn, nhưng đây là dấu hiệu tích cực cho thấy công ty đã có những thuận lợi nhất định trong việc duy trì và phát triển hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ. Sự tăng trưởng nhẹ này phản ánh nỗ lực của công ty trong việc mở rộng thị trường, chăm sóc khách hàng và ổn định nguồn doanh thu trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động.

Lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế năm 2022 so với năm 2023 tăng mạnh: Năm 2022 là âm 31.284.310.414 tỷ nhưng đến năm 2023 tăng lên 6.980.784.560 tỷ, tức là tăng 38.265.094.975 tỷ tương đương giảm 122,31%. Điều này cho thấy hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đã lỗ trong năm qua. Sự sụt giảm mạnh của doanh thu thuần kết hợp với các chi phí khác tăng cao (chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí tài chính) là nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng lỗ.

Lợi nhuận sau thuế năm 2024 so với năm 2023 tăng mạnh: Năm 2023 là 6.980.784.560 tỷ nhưng đến năm 2024 tăng mạnh lên 14.931.449.605 tỷ, tức là tăng 7.950.665.045 tỷ tương đương tăng 113,89%. Mức tăng trưởng mạnh mẽ này cho thấy hoạt động kinh doanh của công ty trong năm 2024 đã có những chuyển biến tích cực. Công ty không chỉ duy trì doanh thu ổn định mà còn kiểm soát tốt chi phí, nâng cao hiệu quả quản lý, từ đó đem lại lợi nhuận cao hơn cho doanh nghiệp.

2.3.3.2. Bảng cân đối kế toán

CÔNG TY TNHH THANH PHÚ							
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN NĂM 2023							
Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	2023/2022		2024/2023	
				Chênh lệch (±)	Tỉ lệ % Chênh lệch (±)	Chênh lệch (±)	Tỉ lệ % Chênh lệch (±)
A. TÀI SẢN							
TÀI SẢN NGẮN HẠN	255.016.698.973,21	178.364.356.374,79	505.208.255.969	-76.652.342.598,42	-30,06	326.843.899.594,21	183,25
Tiền & các khoản tương đương tiền	98.446.097.019,	20.749.865.667,	131.017.916.057	-77.696.231.352,00	-78,92	110.268.050.390,00	531,42
Đầu tư tài chính ngắn hạn	,	,	-2.000.000.000	,	0,00	-2.000.000.000,00	0,00
Các khoản phải thu ngắn hạn	109.260.541.082,	170.683.489.121,3	186.754.759.470	61.422.948.039,30	56,22	16.071.270.348,70	9,42
Hàng tồn kho	138.741.496.407,21	123.339.468.663,49	189.435.580.442	-15.402.027.743,72	-11,10	66.096.111.778,51	53,59
Tài sản ngắn hạn khác	5.234.545.249,	11.426.164,	,	-5.223.119.085,00	-99,78	-11.426.164,00	-100,00
TÀI SẢN DÀI HẠN	518.818.855.951,	566.416.123.024,	501.775.237.869	47.597.267.073,00	9,17	-64.640.885.155,00	-11,41
Các khoản phải thu dài hạn	14.497.769.200,	21.812.473.292,	,	7.314.704.092,00	50,45	-21.812.473.292,00	-100,00
Tài sản cố định	80.893.578.504,	111.000.000.000,	84.000.000.000	30.106.421.496,00	37,22	-27.000.000.000,00	-24,32
Tài sản dài hạn khác	,	100.000.000,	,	100.000.000,00	0,00	-100.000.000,00	-100,00
Bất động sản đầu tư	,	,	417.775.237.869	,	0,00	417.775.237.869,00	0,00
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	773.835.554.924,21	744.780.479.398,79	1.006.983.493.838	-29.055.075.525,42	-3,75	262.203.014.439,21	35,21
B. NGUỒN VỐN							
NỢ PHẢI TRẢ	505.325.716.425,7	469.289.856.340,	565.299.085.451	-36.035.860.085,70	-7,13	96.009.229.111,00	20,46
Nợ ngắn hạn	505.325.716.425,7	469.289.856.340,	565.299.085.451	-36.035.860.085,70	-7,13	96.009.229.111,00	20,46
Nợ dài hạn	,	,	,	,	0,00	,	0,00
VỐN CHỦ SỞ HỮU	268.509.838.498,51	275.490.623.058,79	441.684.408.387	6.980.784.560,28	2,60	166.193.785.328,21	60,33
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	,	,	84	,	0,00	84,00	0,00
TỔNG NGUỒN VỐN	773.835.554.924,21	744.780.479.398,79	1.006.983.493.838	-29.055.075.525,42	-3,75	262.203.014.439,21	35,21

Bảng 2.8: Bảng cân đối kế toán

Tài sản:

Tổng tài sản năm 2022 so với năm 2023 giảm nhẹ: Năm 2022 là 773.835.554.924,21 tỷ nhưng đến năm 2023 giảm nhẹ còn 744.780.479.398,79 tỷ, tức là giảm 29.055.075.525,42 tỷ tương đương giảm 3,75%. Mức giảm nhẹ này cho thấy công ty có sự điều chỉnh trong việc cơ cấu tài sản, có thể nhằm tối ưu hiệu quả sử dụng vốn hoặc thu hẹp bớt các khoản đầu tư không cần thiết.

Tổng tài sản năm 2023 so với năm 2024 tăng trưởng mạnh mẽ: Năm 2023 ghi nhận tổng tài sản là 744.780.479.398,79 tỷ, nhưng đến năm 2024 đã tăng vọt lên 1.006.983.493.838 tỷ, tương ứng với mức tăng ấn tượng 262.203.014.439,21 tỷ, tương đương mức tăng 35,21%. Sự tăng trưởng vượt bậc này cho thấy công ty đã có sự mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh đáng kể hoặc thực hiện các khoản đầu tư lớn trong năm 2024.

Nợ phải trả:

Nợ phải trả năm 2022 so với năm 2023 giảm nhẹ: Năm 2022 là 505.325.716.425,7 tỷ nhưng đến năm 2023 giảm nhẹ còn 469.289.856.340 tỷ, tức là giảm 36.035.860.085,70 tỷ tương đương giảm 7,13%. Mức giảm này phản ánh công ty đã có sự nỗ lực trong việc thanh toán các khoản nợ, giảm bớt áp lực tài chính và nâng cao khả năng tự chủ về vốn.

Nợ phải trả năm 2023 so với năm 2024 tăng lên: Năm 2023, nợ phải trả ở mức 469.289.856.340 tỷ, và đến năm 2024 đã tăng lên 565.299.085.451 tỷ, tức là tăng 96.009.229.111 tỷ, tương đương mức tăng 20,46%. Sự gia tăng này có thể xuất phát từ việc công ty tài trợ cho các hoạt động mở rộng hoặc tăng cường vay vốn để đáp ứng nhu cầu kinh doanh. Tuy nhiên, cần xem xét tỷ lệ tăng so với tài sản và vốn chủ sở hữu để đánh giá mức độ ảnh hưởng đến rủi ro tài chính.

Nguồn vốn:

Tổng nguồn vốn năm 2022 so với năm 2023 giảm nhẹ: Năm 2022 là 773.835.554.924,21 tỷ nhưng đến năm 2023 giảm nhẹ còn 744.780.479.398,79 tỷ, tức là giảm 29.055.075.525,42 tỷ tương đương giảm 3,75%. Mức giảm nhẹ này cho thấy công ty đã có sự cơ cấu lại nguồn vốn, tập trung tối ưu hóa tài sản và kiểm soát tốt hơn các khoản phải trả, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tổng nguồn vốn năm 2023 so với năm 2024 tăng trưởng mạnh mẽ: Tương tự như tổng tài sản, tổng nguồn vốn cũng tăng từ 744.780.479.398,79 tỷ (năm 2023) lên 1.006.983.493.838 tỷ (năm 2024), với mức tăng 262.203.014.439,21 tỷ, tương đương 35,21%. Sự tăng trưởng đồng đều giữa tổng tài sản và tổng nguồn vốn cho thấy sự cân đối trong cấu trúc tài chính của công ty.

Vốn chủ sở hữu:

Vốn chủ sở hữu năm 2022 so với năm 2023 tăng nhẹ: Năm 2022 là 268.509.838.498,51 tỷ đến năm 2023 tăng nhẹ lên 275.490.623.058,79 tỷ tương đương tăng nhẹ 2,60%. Mức tăng nhẹ này phản ánh công ty đã có sự tích lũy vốn ổn định qua hoạt động kinh doanh, đồng thời cho thấy tình hình tài chính của doanh nghiệp đang dần được củng cố theo hướng bền vững.

Vốn chủ sở hữu năm 2023 so với năm 2024 tăng trưởng ấn tượng: Vốn chủ sở hữu đã có sự bứt phá từ 275.490.623.058,79 tỷ (năm 2023) lên 441.684.408.387 tỷ (năm 2024), tương ứng với mức tăng 166.193.785.328,21 tỷ, tương đương mức tăng 60,33%. Mức tăng trưởng vượt trội này cho thấy khả năng tự tài trợ và tích lũy vốn mạnh mẽ của doanh nghiệp trong năm 2024, đồng thời củng cố vững chắc nền tảng tài chính và giảm sự phụ thuộc vào nợ vay.

2.4. Thực trạng về công tác quản trị hàng tồn kho của Công ty TNHH Thanh Phú – Phương Thiếp

2.4.1. Đặc điểm hàng tồn kho tại doanh nghiệp

Hàng tồn kho của Công ty TNHH Thanh Phú – Phương Thiếp là các sản phẩm về sắt thép, đặc điểm chung của loại hàng này là:

- Bảo quản trong môi trường thoáng mát, khô ráo, tránh ánh sáng trực tiếp.
- Thời gian bảo quản từ 6 tháng đến 5 năm tùy loại sản phẩm.
- Sản phẩm có thể bị giảm chất lượng, biến đổi hình dạng trong quá trình vận chuyển, bốc dỡ.
- Nếu phát sản phẩm không đảm bảo chất lượng thì toàn bộ sản phẩm đó sẽ được hoàn hàng lại cho người bán.

2.4.2. Thực trạng về công tác sắp xếp vị trí và bảo quản hàng hóa tại kho

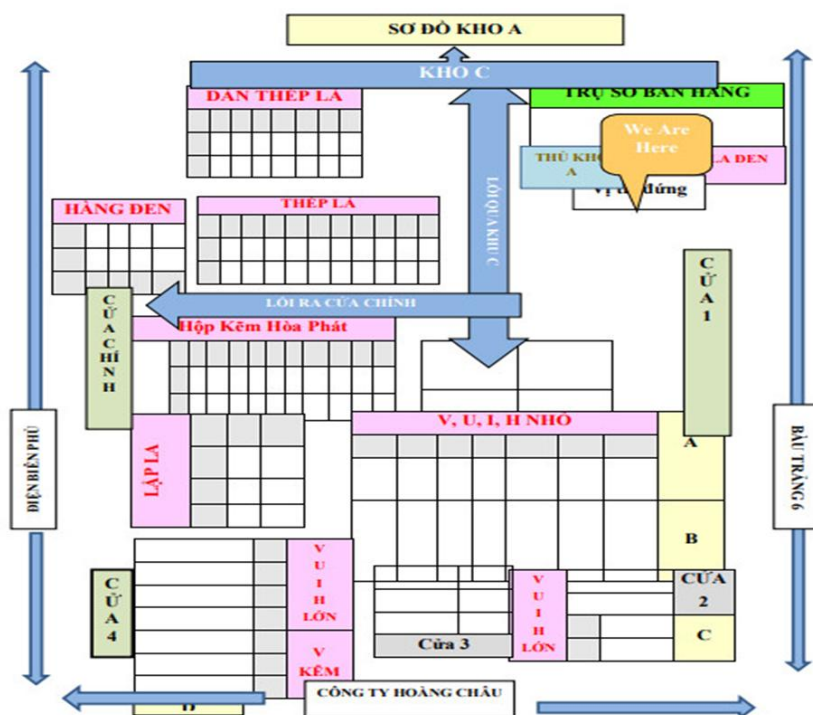
2.4.2.1. Công tác sắp xếp vị trí hàng hóa

- Việc sắp xếp hàng hóa đóng vai trò quan trọng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là trong lĩnh vực phân phối sản phẩm sắt thép. Kho hàng không chỉ là nơi lưu trữ các sản phẩm mà còn là trung tâm của hoạt động phân phối.

- Đối với những loại hàng hóa có kích thước, khối lượng, hình dáng khác nhau thì công ty áp dụng nhiều cách sắp xếp khác nhau để diện tích kho được tối ưu nhất.

- Sự quy hoạch vị trí để bảo quản hàng hay là phương pháp để hàng tại những nơi quy định phù hợp với đặc điểm kho, tính chất hàng, bao bì hàng hóa và thiết bị trong kho.

- Chất xếp hàng một cách hợp lý sẽ đảm bảo thuận tiện cho việc bảo quản, tiếp nhận và phát hàng, đồng thời tận dụng tốt nhất diện tích, dung tích và sức chứa của kho.



Hình 2.3: Sơ đồ kho hàng chi nhánh Điện Biên Phủ

Với tổng diện tích kho bãi gần 30.000m², trong đó diện tích sử dụng trên 1.000m², khu hành chính là 250m², tọa lạc tại số 718 Điện Biên Phủ tương đối rộng về cả chiều dài và chiều rộng. Cùng với đó là 10.000m² tại đường số 1 khu công nghiệp Thanh Vinh và 2 chi nhánh 1.000m² và 10.000m² nằm tại quốc lộ 1A, km1216 thôn Quảng Tính, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Công việc sắp xếp hàng hóa tại công ty TNHH Thanh Phú – Phương Thiếp không chỉ là việc đơn giản giản mà còn thực hiện một cách cẩn thận và khoa học. Với tất cả

thành phẩm của công ty, hàng hoá, nguyên vật liệu nhập vào công ty đều mã hoá bằng hệ thống mã chữ số nhằm bảo vệ dữ liệu và chuyển thành dữ liệu riêng của công ty phục vụ cho quá trình lưu trữ.

Sau khi mã hoá hàng hoá, bộ phận kho tiến hành di chuyển hàng hoá vào kho bằng xe ba gác hoặc xe tải và xe nâng dựa trên sơ đồ và mã kho để chất xếp vào đúng vị trí.



Hình 2.4: Các hàng hóa được sắp xếp theo từng loại

Hàng hoá khi được di chuyển đến kho, nhân viên kho thực hiện chất xếp hàng hoá. Đối với ngành vật liệu xây dựng được sắp xếp trên các thanh kệ sắt để tránh bị ẩm mốc và dễ bị hư hỏng với các tác động của các yếu tố môi trường. Đối với những loại hàng hóa có kích thước, có khối lượng, hình dáng khác nhau mà công ty áp dụng nhiều cách sắp xếp khác nhau để diện tích kho được tối ưu nhất.

+ Lốp cao su: Đặt sát bên giàn giá để thép hộp vì kích thước dài và bên cạnh để một cân thường thuận tiện cho khách hàng biết được khối lượng hàng để vào làm hóa đơn.

+ Thép hình: Được đặt bên phải kho hàng, kê trên miếng gỗ và ghi rõ kí hiệu về kích thước và trọng lượng trên mép hàng hóa.

+ Thép lá: Đặt ở bên trái của kho hàng, tùy theo kích cỡ của thép lá mà đặt dưới sàn hay trên giàn giá.

+ Thép hình chữ V: xếp trên sàn có đệm gỗ cách mặt đất 10cm, cứ 10 hay 20 lớp thép thì sẽ chèn thêm 1 đệm gỗ cho thoáng và dễ lấy hàng.

+ Thép tấm: Được đặt bên giàn giá để thép hộp vì kích thước dài và bên cạnh để cân điện tử để khách hàng biết được khối lượng hàng để viết hóa đơn.

+ Thép hộp, thép tròn: Được chất xếp trên kệ theo kích thước từ nhỏ đến lớn, được đặt ở vị trí hai bên của lối vào. Được bán trực tiếp cho khách hàng mà không cần gia

công được khách hàng mua thường xuyên theo bó với số lượng lớn nên đặt ở vị trí ra vào thuận tiện cho việc lấy hàng.

+ Thép hình U: xếp ở bãi, khi xếp để một lớp ngửa, một lớp úp nếu ngoài trời thì tuyệt đối không để ngửa gây nguy hiểm cho người dân xung quanh và kê một đầu cao để thoát nước khi trời mưa.

+ Thép hình I: xếp ở bãi, khi xếp để chồng lên nhau với hai bên giàn kệ đóng cột chằng chặt để khỏi đổ.

Công ty luôn có những phương pháp xếp hàng một cách tối ưu và hiệu quả, tiết kiệm được diện tích kho nhưng vẫn đảm bảo công tác bảo quản, phòng cháy chữa cháy. Lối đi rộng, dễ dàng vận chuyển, thuận tiện cho công tác theo dõi và quản lý nhân viên bốc xếp khi làm việc. Nhân viên kho có những cách giải quyết tình huống cũng như kinh nghiệm trong quá trình sắp xếp kho hàng vô cùng linh động, năng suất làm việc cao. Nhân viên bốc xếp làm việc theo hướng dẫn của nhân viên kho nên hầu như không có sai sót nào xảy ra.

2.4.2.2. Công tác bảo quản hàng hóa

Bảo quản và lưu trữ hàng hoá là việc đảm bảo hàng hoá trong kho được nguyên vẹn không mất mát về mặt số lượng và chất lượng của hàng hoá. Giúp công ty có thể theo dõi tình trạng xuất nhập tồn của hàng hoá cùng đó hỗ trợ cho việc sản xuất đúng tiến độ và cung cấp thành phẩm cho khách hàng một cách uy tín và chất lượng.

Hàng hóa dữ trữ được giữ nguyên chất lượng và số lượng thì công tác bảo quản hàng hóa đóng vai trò quan trọng. Kho bảo quản hàng hóa sắt thép thì phải thoáng khí, sạch sẽ, không đồ đồ, tránh ánh nắng mặt trời và mưa.

- Về công tác vệ sinh

+ Thủ kho có trách nhiệm lau chùi nơi làm việc của mình định kì, lưu giữ giấy tờ sao cho sạch sẽ, không bị mối mọt.

+ Công ty quét dọn kho hàng mỗi ngày hai lần và công nhân là người được thủ kho phân chia ra làm.

+ Thủ kho là người đi kiểm kê hàng hóa mỗi ngày vào sáng và tối để kiểm tra hàng hóa có bị thiếu hay hư hỏng. Và ghi sổ sách, nếu thiếu sẽ báo ngay cho ban giám đốc.

- Về ảnh hưởng thời tiết

+ Vào mùa mưa kho hàng sẽ không mở toàn bộ cửa của kho hàng để tránh nước mưa gây tạt và gây gỉ sắt hàng hóa.

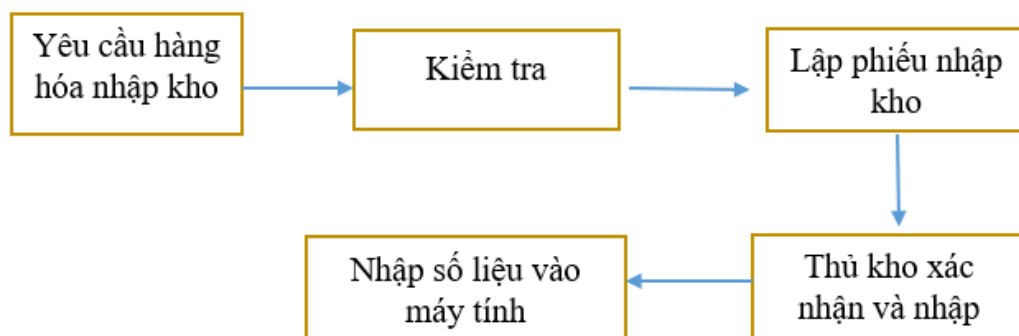
- + Vào mùa hanh khô thì sẽ cho mở toàn bộ cửa ở kho hàng để thoáng khí.
 - + Đối với thép hộp, thép tròn để trên giàn giá nên chỉ cần lấy bạt tủ lại.
 - + Đối với thép tấm, thép hình thì kê lên cao hơn so với mặt đất 10cm.
 - Về an toàn, phòng gian bảo mật
 - + Camera trong kho hàng phải được hoạt động 24/7 để chống trộm tốt nhất. Cửa kho được lắp ráp tự động, chắc chắn nên khó có thể bị trộm cắp.
 - + Đèn trong kho được bật cả ngày lẫn đêm và giảm xuống vào ban đêm. Để đảm bảo đủ sáng để camera quay lại được vào ban đêm.
 - Về phòng cháy chữa cháy
 - + Hàng hóa được chất xếp thuận tiện cho công tác kiểm tra, vệ sinh và chữa cháy.
- Cách xa hàng hóa với các nguồn điện để ngăn phát nhiệt.
- + Hạn chế tối đa các nguồn điện để ngăn phát điện, cháy nổ ở kho.
 - + Có cửa thoát hiểm, đảm bảo cho nhân viên văn phòng hay kho hay khách hàng có thể chạy thoát thân.

Trong công tác phòng cháy chữa cháy, thực hiện vô cùng nghiêm túc, theo đúng quy định, phân bố rõ ràng, toàn bộ nhân viên đều tích cực. Công tác bảo quản của công ty được thực hiện một cách hợp lý và nghiêm ngặt nhưng vẫn còn một số hạn chế như thời gian. Tuy nhiên vì kho hàng quá rộng nên việc vệ sinh sản phẩm, nhân viên vệ sinh lau qua loa dẫn đến sản phẩm còn bám bụi hoặc do ảnh hưởng thời tiết công ty không kiểm soát được dẫn đến sản phẩm ghi sét.

2.4.3. Hoạt động xuất nhập kho

2.4.3.1. Hoạt động nhập kho

Quy trình nhập kho tại công ty TNHH Thanh Phú – Phương Thiệp được thực hiện theo các bước cụ thể nhằm đảm bảo hàng hóa được tiếp nhận, kiểm tra và ghi nhận chính xác. Sơ đồ sau thể hiện quy trình tiếp nhận hàng hóa nhập kho của công ty.



Sơ đồ 2.2: Quy trình tiếp nhận hàng hóa

Bước 1: Yêu cầu hàng hóa nhập kho

Khi hàng hóa được vận chuyển đến kho, bộ phận kho có vai trò đối chiếu hóa đơn hoặc phiếu nhập kho như chất lượng mẫu mã, số lượng hàng hóa... để xác định việc chấp nhận hoặc từ chối đơn hàng đó. Nếu không có sai sót thì sẽ chuyển đến thủ kho là anh Lê Văn Trai để tiến hành quy trình nhập kho.

10/23/24, 1:20 PM VAT

Đơn vị cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông - VNPT Telephone, MST: 010809731, Điện thoại: 18001240

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 25 tháng 10 năm 2024

Mã số thuế: 0042F607DBDF46F9B8F415F3F3AFC

Ký hiệu: 1C34THP
Số: 00022403

Tên đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH ÔNG THIỆP HÒA PHÁT ĐÀ NẴNG
Mã số thuế: 0401590324
Địa chỉ: Đường số 7, KCN Hòa Khánh, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
Điện thoại: (0236) 3721246 / 3.626999 • Fax: (0236) 3721245 / 3.733979
Số tài khoản: 2913201352185 Tại Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - CN KCN Hòa Khánh - Đà Nẵng
56010000655952 Tại Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - CN Hải Vĩ - Đà Nẵng
04510002912118 Tại Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam - CN Thành công - Hà Nội

Họ tên người mua hàng: Công ty TNHH Thanh Phú
Tên đơn vị mua hàng: Công ty TNHH Thanh Phú
Mã số thuế: 0400395585
Địa chỉ: 718 Điện Biên Phủ-P. Thanh Khê Tây-Quận Thanh Khê-Thành Phố Đà Nẵng
Số tài khoản: Hình thức thanh toán: TMCK

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Ông sơn mạ vuông 40x3.0x6.0	Kg	1,007.930	17,272.727	17,409,700
2	Ông sơn mạ CN 40x50x3.0x6.0	Kg	414.440	17,272.727	7,158,509
3	Ông sơn mạ vuông 30x1.0x6.0	Kg	879.660	17,272.727	15,194,127
4	Ông sơn mạ CN 13x26x1.2x6.0	Kg	1,285.200	17,272.727	22,198,909
5	Ông sơn mạ CN 40x80x1.2x6.0	Kg	2,118.400	17,272.727	36,590,545
6	Ông sơn mạ CN 40x80x1.8x6.0	Kg	3,137.600	17,272.727	54,194,909
7	Ông sơn mạ CN 50x100x1.4x6.0	Kg	3,481.200	17,272.727	60,129,818
8	Ông thép mạ tròn 21.2x1.6x6.0	Kg	779.860	25,000.000	19,496,500
9	Ông thép mạ tròn 26.65x1.6x6.0	Kg	670.430	25,000.000	16,760,750
10	Ông thép mạ tròn 33.5x1.6x6.0	Kg	604.480	25,000.000	15,112,000
11	Ông thép mạ tròn 21.2x1.9x6.0	Kg	921.310	24,090.909	22,195,195
12	Ông thép mạ tròn 26.65x2.1x6.0	Kg	870.550	23,181.818	20,180,932
13	Ông thép mạ tròn 48.1x3.2x6.0	Kg	1,113.840	23,181.818	25,820,836
14	Ông thép mạ tròn 88.3x4.0x6.0	Kg	652.860	23,181.818	15,134,482
15	Ông thép mạ tròn 113.5x4.0x6.0	Kg	1,037.440	23,181.818	24,049,745
Tổng tiền hàng:					371,636,957
Thuế suất GTGT: 10%					
Tổng tiền thuế GTGT:					37,163,696
Tổng tiền thanh toán:					408,799,653

Số tiền viết bằng chữ: Bốn trăm lẻ tám triệu bảy trăm tám ngàn chín trăm năm mươi ba đồng chẵn

NGƯỜI MUA HÀNG
(Ký, ghi rõ họ, tên)

CƠ QUAN THUẾ
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI BÁN HÀNG
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Ký và đóng dấu: KÝ BÊN CHỦ TỊCH CỤC THUẾ - ĐÓ TÀI CHINH LƯU VÀO CỘT
Ký ngày: 25/10/2024 18:11:23

Ký và đóng dấu: KÝ MÊ CÔNG TY TNHH ÔNG THIỆP HÒA PHÁT ĐÀ NẴNG
Ký ngày: 25/10/2024 18:11:24

Tru cứu hóa đơn tại: <https://idpda.v78.viet-invest.com.vn> Mã tru cứu: A040000006531177

Hình 2.5: Hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH Hòa Phát gửi đến Công ty TNHH Thanh Phú – Phương Thiếp

Bước 2: Kiểm tra

Quy trình kiểm tra hàng của công ty bắt đầu bằng việc kiểm tra số lượng, mẫu mã, kiểm tra tình trạng chất lượng hàng hóa và xác định trách nhiệm giữa các bên giao nhận về tình trạng không đảm bảo chất lượng hàng hóa nhập kho. Nếu phát hiện thấy chất lượng không đảm bảo tiêu chuẩn và cam kết, bao bì và hàng hóa không đúng quy cách, phải lập biên bản về tình trạng chất lượng hàng hóa.

Bước 3: Lập phiếu nhập kho

Sau khi nhận phiếu nhập kho từ nhà cung cấp, chị Trần Thị Kim Ngân (kế toán trưởng) cần một lần nữa đối chiếu toàn bộ thông tin trước khi lập phiếu nhập kho.

CÔNG TY TNHH THANH PHÚ
718 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

Mẫu số: 01-VT
Mảng tự số: 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

PHIẾU NHẬP KHO
Ngày 03 tháng 02 năm 2025
Số: NM02/25-0003

Họ tên người giao hàng: CÔNG TY TNHH ÔNG THIỆP MINH NGỌC
Theo..... số.....
Nhập tại kho: Kho công ty Thanh Phú (TP) ngày..... tháng..... năm..... của:
Nội dung: Nhập theo hóa đơn số 00000774 địa điểm:
Ngày HD: 03/02/2025

Stt	Tên, nhãn, quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Chữ nhật mạ kẽm 50 x 100 mm	MK15	Kg		973,000	15.818,18	15.391.689
2	Chữ nhật mạ kẽm 50 x 100 mm	MK15	Kg		828,500	15.818,18	13.105.362
3	Chữ nhật mạ kẽm 40 x 80 mm	MK14	Kg		595,000	15.818,18	9.411.817
4	Chữ nhật mạ kẽm 40 x 80 mm	MK14	Kg		1.720,000	15.818,18	27.207.271
5	Chữ nhật mạ kẽm 30 x 60 mm	MK13	Kg		1.606,500	15.818,18	25.411.906
6	Chữ nhật mạ kẽm 30 x 60 mm	MK13	Kg		382,000	15.818,18	6.042.545
7	Chữ nhật mạ kẽm 30 x 60 mm	MK13	Kg		1.391,000	15.818,18	22.003.088
8	Thép vuông mạ kẽm 50 mm	TVMK20	Kg		296,500	15.818,18	4.690.090
9	Thép vuông mạ kẽm 40 mm	TVMK19	Kg		463,000	15.818,18	7.323.817
10	Thép vuông mạ kẽm 40 mm	TVMK19	Kg		396,000	15.818,18	6.263.999
11	Thép vuông mạ kẽm 30 mm	TVMK18	Kg		683,500	15.818,18	10.811.726
12	Thép vuông mạ kẽm 30 mm	TVMK18	Kg		601,000	15.818,18	9.506.726
13	Thép vuông mạ kẽm 20 mm	TVMK16	Kg		905,500	15.818,18	14.323.362
14	Thép vuông mạ kẽm 20 mm	TVMK16	Kg		795,000	15.818,18	12.575.453
15	Thép vuông mạ kẽm 14 mm	TVMK14	Kg		226,000	15.818,18	3.574.909
16	Thép vuông mạ kẽm 14 mm	TVMK14	Kg		539,000	15.818,18	8.525.999
17	Chữ nhật mạ kẽm 13 x 26 mm	MK10	Kg		188,500	15.818,18	2.981.727
18	Chữ nhật mạ kẽm 20 x 40 mm	MK11	Kg		300,500	15.818,18	4.753.363
19	Chữ nhật mạ kẽm 20 x 40 mm	MK11	Kg		348,000	15.818,18	5.504.727
20	Chữ nhật mạ kẽm 25 x 50 mm	MK12	Kg		384,500	15.818,18	6.082.090
21	Chữ nhật mạ kẽm 25 x 50 mm	MK12	Kg		443,500	15.818,18	7.015.362
Cộng						Tiền nhập:	222.506.428
						Tiền thuế:	22.250.643
						Tổng tiền:	244.757.071

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Hai trăm bốn mươi tư triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn không trăm bảy mươi một đồng chẵn

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên) Kế toán trưởng (Ký, họ tên) Phụ trách cung tiêu (Ký, họ tên) Ngày..... tháng..... năm.....
Người nhận (Ký, họ tên) Thủ kho (Ký, họ tên)

Hình 2.6: Phiếu nhập kho của Công Ty TNHH Thanh Phú – Phương Thiếp

Bước 4: Thủ kho xác nhận và nhập hàng

Sau khi hoàn tất phiếu nhập kho, nhà cung cấp sẽ giao hàng cho anh Lê Văn Trai (thủ kho) và một lần nữa thủ kho chịu trách nhiệm kiểm kê lại lượng hàng hóa chuẩn bị nhập trước khi nhập kho. Sở dĩ thủ kho phải kiểm tra lại là vì nếu bất cứ trường hợp thừa thiếu nào xảy ra thì ngay tại lúc đó thủ kho phải báo cáo với nhà cung cấp và phía địa diện bên công ty để kịp thời xử lý. Còn trường hợp hàng hóa đã được giao đúng như đơn đặt hàng thì thủ kho ký nhận và tiến hành nhập hàng vào kho.

Bước 5: Nhập hàng vào hệ thống

Chị Trần Thị Kim Ngân (Kế toán trưởng) chịu trách nhiệm nhập hàng vào hệ thống của công ty để tiện đối chiếu với thủ kho. Ở giai đoạn này kế toán cần nhập đúng chính xác số lượng, chủng loại, giá thành,... mà không được xảy ra sai sót. Nếu trường hợp xảy ra sai sót kế toán làm nhiệm vụ này sẽ phải chịu trách nhiệm. Thông qua các bước của quy trình quản lý hoạt động nhập kho, có thể thấy quy trình nhập kho của công ty được xây dựng khá cụ thể, các thủ tục được diễn ra nhanh gọn, các bộ phận làm việc với nhau khá chuyên nghiệp. Từ đó cho thấy việc tạo ra một quy mẫu chuẩn giúp các nhân viên hiểu rõ được trách nhiệm của mình và giúp nhà quản trị dễ tìm kiếm những lỗi hỏng trong quá trình để có thể kịp thời chỉnh sửa và hoàn thiện.

2.4.3.2. Hoạt động kiểm soát kho

Bước 1: Lựa chọn phương thức kiểm kê.

Có 2 phương thức kiểm kê: kiểm kê thường xuyên và kiểm kê định kỳ.

+ Kiểm kê thường xuyên: Doanh nghiệp thường xuyên theo dõi tình hình nhập xuất tồn của hàng hoá nhằm nhanh chóng phát hiện các mặt tồn tại hoặc nhanh chóng thu thập tình hình kết quả hoạt động trong ngày để tìm các nguyên nhân ảnh hưởng và có biện pháp khắc phục kịp thời.

+ Kiểm kê định kỳ: Doanh nghiệp không thường xuyên theo dõi tình hình nhập xuất tồn của hàng hoá mà cuối 6 tháng mỗi kỳ mới tiến hành kiểm tra. Các đơn vị quan tâm đến giá trị tồn đầu kỳ, nhập trong kỳ và tồn cuối kỳ.

Bước 2: Chuẩn bị kiểm kê.

Trước khi kiểm kê phải làm tốt công tác chuẩn bị. Chuẩn bị kiểm kê phải thực hiện những công việc cụ thể sau:

+ Thông báo cho các bộ phận liên quan để có sự chuẩn bị tốt hơn. Trong những ngày tiến hành kiểm kê kho hàng, nếu cảm thấy cần thiết có thể thông báo với nhà cung cấp hoặc đối tác, khách hàng (nếu có) để tránh sự phiền hà, hoặc hạn chế tần suất nhập xuất hàng.

+ Vào sổ sách tất cả những mặt hàng mới xuất, mới nhập đến thời điểm kiểm kê và đối chiếu nhất trí giữa thẻ kho với kế toán kho.

+ Chuẩn bị tài liệu: Chuẩn bị các tài liệu của cuộc kiểm kê gồm chỉ thị về việc kiểm kê, phương án tiến hành kiểm kê, biểu mẫu dùng trong khi kiểm kê, danh điểm hàng hóa kiểm kê và báo cáo/biên bản kiểm kê.

+ Chuẩn bị trang thiết bị: Phải chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ, phương tiện, thiết bị cần thiết cho việc xác định số lượng, chất lượng vật tư hàng hóa như các phương tiện cân, đo, đong đếm, tính toán và các dụng cụ tháo mở bao bì...

+ Nhân sự: Anh Lê Văn Trai là người chịu trách nhiệm kiểm kê kho hàng,

+ Trước ngày tiến hành kiểm kê, cần rà soát lại báo cáo danh sách tồn kho gần nhất để tiến hành thanh lý, hàng hư lỗi... Việc này nhằm để giảm bớt khối lượng công việc trong giai đoạn kiểm kê hàng hóa.

Bước 3: Thực hiện kiểm kê.

+ Tiến hành kiểm đếm số lượng hàng thực tế tại kho và ghi chép, đánh dấu ngay tại chỗ. Đồng thời, đánh giá tình hình chất lượng hàng hóa xem còn tốt hay hư hỏng, mức độ hư hỏng.

+ Sau khi đã chốt lại lượng tồn kho thực tế cuối cùng, thực hiện đối chiếu giữa con số này với số lượng trong sổ sách báo cáo. Trường hợp có chênh lệch, phải điều chỉnh lại số liệu tồn kho đúng theo thực tế. Bên cạnh đó, nhân viên giám sát sẽ là người chịu trách nhiệm trực tiếp phải giải trình cụ thể.



Hình 2.7: Nhân viên giám sát kiểm kê hàng hóa

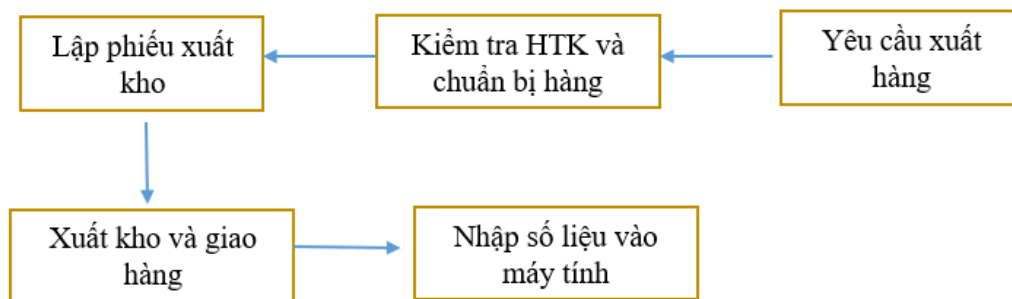
Bước 4: Tổng hợp báo cáo.

+ Sau khi kiểm kê, Ban kiểm kê phải lập biên bản kiểm kê gồm số lượng hàng hóa, số lượng tồn kho, số lượng thực tế, thống nhất nhận định về kết quả và báo cáo lên cấp trên.

+ Xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp khắc phục cho anh Lê Văn Trai thủ kho; những vấn đề cần giải quyết và xử lý, cũng như trách nhiệm, nếu cần phải xác định thêm bằng chứng.

2.4.3.3. Hoạt động xuất kho

Hoạt động xuất kho tại công ty TNHH Thanh Phú – Phương Thiệp được triển khai theo quy trình rõ ràng nhằm đảm bảo hàng hóa được xuất đúng, đủ và cập nhật kịp thời vào hệ thống. Sơ đồ sau thể hiện các bước trong quy trình xuất hàng.



Sơ đồ 2.3: Quy trình xuất hàng hóa

Bước 1: Yêu cầu xuất hàng

Khi nhận được đơn đặt hàng của khách hàng, anh Lê Văn Trai (thủ kho) cần lập yêu cầu xuất kho.

Bước 2: Kiểm tra HTK và chuẩn bị hàng

Giai đoạn này khá quan trọng, vì nếu trường hợp hàng tồn trong kho đã hết thì phải lập tức gửi yêu cầu nhập thêm hàng hóa đồng thời thông báo bên khách hàng để giảm sự chờ đợi của họ và hẹn khi hàng đầy đủ sẽ giao ngay.

Bước 3: Lập phiếu xuất kho

Cũng như phiếu nhập kho, phiếu xuất kho sẽ được gửi đến chị Trần Thị Kim Ngân (kế toán trưởng), sau đó kế toán sẽ tiến hành lập phiếu xuất kho (Biên bản ký nhận hàng) rồi chuyển đến anh Lê Văn Trai (thủ kho).

CÔNG TY TNHH THANH PHÚ
718 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KÝ NHẬN HÀNG
(KIỂM GIẤY NHẬN NỢ)
Số Seri: 01/15/01/25

Hôm nay, ngày 15 tháng 01 năm 2025. Chúng tôi gồm:

BÊN BÁN: CÔNG TY TNHH THANH PHÚ

1. Đại diện: Nguyễn Thanh Thảo - Chức vụ: P. Giám Đốc
2. Địa chỉ: 718 Điện Biên Phủ - TP. Đà Nẵng
3.ĐT: 0236 3759514 - 3814416* Fax: 3712442
4. Email: thanhphuongthiep@gmail.com

Người mua: CÔNG TY TNHH KINH DOANH THẾP HÀ NỘI

1. Đại diện: Công Ty TNHH Kinh Doanh Thép Hà Nội - Chức
2. Địa chỉ: 30 Lê Thái Tổ - Phường Hàng Trống - Quận Hoàn
Kiếm - Thành Phố Hà Nội
3. Xe chở hàng:
4. Nhận hàng tại kho:

Hai bên thống nhất lập biên bản giao nhận hàng với nội dung mua bán như sau:

Stt	Tên hàng	Đvt	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
			Yêu cầu	Thực xuất			
1	Thép vuông mạ kẽm 14 VD	Kg	8.116,88		16.600,00	134.740.208	
2	Thép vuông mạ kẽm 20 VD	Kg	17.959,23		16.600,00	298.123.218	
3	Chữ nhật mạ kẽm 30 x 60 VD	Kg	4.158,00		16.500,00	68.607.000	
Cộng						501.470.426	
Thuế VAT 10%						50.147.043	
Tổng cộng						551.617.469	

Viết bằng chữ: Năm trăm năm mươi một triệu sáu trăm mười bảy nghìn bốn trăm sáu mươi chín đồng chẵn

Biên bản này là cơ sở pháp lý để giải quyết mọi tranh chấp giữa hai bên, trường hợp không thanh toán hai bên thống nhất chọn Tòa án Kinh tế TP. Đà Nẵng để giải quyết. Phán quyết của Tòa án là cuối cùng và hai bên có nghĩa vụ thi hành.

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hình 2.8: Biên bản ký nhận hàng

Bước 4: Xuất kho và giao hàng

Anh Lê Văn Trai sau khi nhận được phiếu xuất kho sẽ lập tức chỉ đạo anh Lê Văn Thăng và Trương Ngọc Rết tiến hành soạn hàng theo đơn yêu cầu và giao cho anh Trần Văn Tuấn giao hàng để kịp thời giao hàng đến khách hàng.



Hình 2.9: Phương tiện giao hàng

Bước 5: Cập nhật vào hệ thống

Chị Ngân Kế toán cần cập nhật ngay lại nhật ký xuất kho và số lượng HTK còn lại. Đồng thời số liệu của kế toán và thủ kho phải được thống nhất và chính xác.

Yêu cầu xuất hàng Kiểm tra HTK và chuẩn bị hàng. Lập phiếu xuất kho Xuất kho và giao hàng Cập nhật vào hệ thống.

Cũng như quy trình nhập kho, quy trình quản lý hoạt động xuất kho của công ty với các bước làm việc gắn liền với một phạm cụ thể, tính hệ thống cũng như tiết kiệm thời gian, nhân lực và chi phí cho doanh nghiệp. Nhà quản trị cũng từ đó mà kiểm soát được số lượng cũng như chất lượng HTK để xây dựng những chiến lược phát triển phù hợp với tình hình của công ty.

2.4.4. Quản lý kho hàng

2.4.4.1. Quy định

2.4.4.1.1. Quy định nhập hàng

Việc nhập hàng tại công ty được thực hiện theo trình tự rõ ràng để đảm bảo hàng hóa khi về kho đều đúng số lượng, chất lượng và chủng loại đã đặt. Trước khi nhập, hàng hóa sẽ được kiểm tra sơ bộ về tình trạng và đối chiếu với chứng từ. Sau đó, nhân viên kho sẽ lập phiếu nhập và thực hiện các bước tiếp nhận theo quy trình. Tất cả dữ liệu liên quan đến lô hàng sẽ được cập nhật vào hệ thống để tiện theo dõi và quản lý sau này.

Công ty cũng yêu cầu hàng hóa khi nhập về phải có đầy đủ hóa đơn, chứng từ đi kèm. Trường hợp hàng bị hư hỏng, thiếu hụt hay không đúng cam kết thì sẽ được phản hồi ngay cho nhà cung cấp để xử lý kịp thời.

2.4.4.1.2. Quy định xuất hàng

Tại Công ty TNHH Thanh Phú Phương, việc xuất hàng phải được thực hiện đúng quy trình để tránh sai sót và thất thoát. Mọi hàng hóa khi xuất kho đều cần có đầy đủ chứng từ như phiếu xuất, đơn hàng hoặc giấy đề nghị đã được duyệt. Thủ kho chỉ xuất khi giấy tờ hợp lệ, không làm theo chỉ đạo miệng.

Trước khi giao hàng, thủ kho kiểm tra kỹ số lượng, chất lượng và chủng loại. Khi giao, luôn phải có người nhận ký tên xác nhận. Nếu có sự cố (thiếu hàng, nhầm mã, hư hỏng...), cần lập biên bản ngay và báo về cho cấp quản lý.

Cuối ngày, phiếu xuất được bàn giao cho kế toán để cập nhật tồn kho. Mọi bộ phận liên quan cần phối hợp trách nhiệm để đảm bảo việc xuất hàng chính xác, minh bạch và đúng quy định công ty.

2.4.4.1.3. Quy định lưu kho hàng hóa

Trong quá trình lưu kho, việc bảo quản và quản lý hàng hóa đúng cách không chỉ giúp tiết kiệm chi phí mà còn đảm bảo hoạt động kinh doanh không bị gián đoạn. Tại Công ty TNHH Thanh Phú Phương, mọi hàng hóa khi nhập kho đều cần có đầy đủ chứng từ, được kiểm tra kỹ càng về số lượng, chất lượng trước khi sắp xếp vào vị trí quy định.

Hàng hóa được phân loại rõ ràng, sắp xếp khoa học để dễ tìm, dễ kiểm soát. Nguyên tắc chung là nặng để dưới, nhẹ để trên, không để hàng quá sát tường hay sàn nhằm tránh ẩm mốc. Những sản phẩm hư hỏng, cận hạn hoặc lỗi phải được để riêng, có ghi chú rõ ràng để tránh nhầm lẫn.

Kho phải luôn sạch sẽ, gọn gàng, có lối đi thông thoáng và đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy. Mọi hoạt động nhập – xuất – tồn đều phải được ghi nhận đầy đủ, đúng lúc, đúng sổ sách. Việc kiểm kê được thực hiện định kỳ để đối chiếu thực tế với hệ thống, phát hiện kịp thời các chênh lệch nếu có.

Thủ kho là người trực tiếp chịu trách nhiệm theo dõi và quản lý hàng hóa. Nhân viên khác khi cần vào kho phải có lý do rõ ràng và tuân thủ quy định chung. Mục tiêu cao nhất là quản lý kho minh bạch, gọn gàng và sẵn sàng phục vụ cho mọi hoạt động sản xuất – kinh doanh của công ty.

2.4.4.1.4. Quy định kiểm kho

Việc kiểm kho là bước quan trọng để đảm bảo hàng hóa trong kho được quản lý chính xác, tránh thất thoát và phát hiện kịp thời sai lệch. Tại Công ty TNHH Thanh Phú Phương, công tác kiểm kho được thực hiện định kỳ theo tháng, quý hoặc đột xuất khi có yêu cầu từ ban lãnh đạo.

Trước khi kiểm, bộ phận kho cần chuẩn bị đầy đủ sổ sách, phiếu nhập – xuất và cập nhật tồn kho mới nhất. Hàng hóa trong kho phải được sắp xếp gọn gàng, có nhãn, có mã số rõ ràng để thuận tiện cho việc kiểm đếm. Việc kiểm kho được thực hiện bởi tổ kiểm kê gồm thủ kho, kế toán kho và đại diện quản lý – đảm bảo tính khách quan và minh bạch.

Trong quá trình kiểm, tổ kiểm kê sẽ đối chiếu số lượng thực tế với sổ sách. Nếu có chênh lệch, phải ghi nhận và lập biên bản ngay, đồng thời tìm rõ nguyên nhân. Những mặt hàng hư hỏng, tồn lâu, hoặc không còn sử dụng cần được thống kê riêng để có hướng xử lý phù hợp.

Sau khi kiểm xong, kết quả sẽ được tổng hợp thành báo cáo và gửi lên ban lãnh đạo để xem xét và ra quyết định. Đây là cơ sở để công ty điều chỉnh tồn kho, kiểm soát chi phí và đảm bảo nguồn hàng phục vụ cho hoạt động sản xuất – kinh doanh luôn ổn định.

2.4.4.1.5. Quy định quản lý hàng hóa

Để đảm bảo công tác quản lý hàng hóa trong kho được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả và tránh xảy ra thất thoát, Công ty TNHH Thanh Phú Phương Thiết xây dựng một số quy định cơ bản như sau:

Hàng hóa khi nhập về phải được kiểm tra kỹ lưỡng về số lượng, chất lượng và chủng loại. Nhân viên kho có trách nhiệm tiếp nhận, đối chiếu với hóa đơn, phiếu giao hàng và báo ngay cho bộ phận liên quan nếu phát hiện sai sót hoặc hàng bị hư hỏng. Sau khi kiểm tra xong, hàng sẽ được sắp xếp vào đúng vị trí trong kho, đảm bảo dễ tìm, dễ kiểm soát và không gây cản trở trong quá trình vận chuyển. Những loại hàng như thép cuộn, thép cây cần được xếp gọn, an toàn, tránh để lẫn đổ hoặc bị ảnh hưởng bởi thời tiết. Các biện pháp che chắn như phủ bạt hoặc kê cao nên được sử dụng để hạn chế rỉ sét.

Việc xuất hàng chỉ được thực hiện khi có phiếu xuất kho hợp lệ, có chữ ký của người có thẩm quyền. Nhân viên kho phải kiểm tra kỹ thông tin trên phiếu và đối chiếu

hàng thực tế trước khi xuất. Người nhận hàng cần ký xác nhận để đảm bảo minh bạch. Tất cả các hoạt động xuất - nhập - tồn kho đều phải được ghi chép hoặc cập nhật vào phần mềm quản lý hàng ngày.

Kho sẽ được kiểm kê định kỳ theo kế hoạch của công ty, tối thiểu 6 tháng một lần. Trong quá trình kiểm kê, nếu phát hiện chênh lệch giữa số liệu thực tế và sổ sách, nhân viên phụ trách kho cần báo cáo ngay để cùng phối hợp xử lý. Nhân viên kho là người chịu trách nhiệm trực tiếp trong việc bảo quản, theo dõi hàng hóa và phải trung thực trong quá trình làm việc. Trường hợp phát hiện mất mát, hư hỏng do lỗi chủ quan sẽ bị xem xét xử lý theo quy định nội bộ.

2.4.5. Rủi ro trong quản trị hàng tồn kho của doanh nghiệp

2.4.5.1. Sự gián đoạn nguồn cung ứng

Đây là một trong những rủi ro thường gặp nếu công tác quản trị hàng tồn kho không tốt. Tuy nhiên, sự gián đoạn nguồn cung ứng có thể xảy ra khi hoạt động mua hàng của doanh nghiệp không được thực hiện.

Để đối phó với rủi ro này các doanh nghiệp thường đặt trước hàng. Dự trữ một lượng hàng lớn khá tốn kém nhưng cần thiết. Do vậy, nhiều công ty xác định lượng hàng tồn kho thấp nhất với việc quản trị có hiệu quả.

2.4.5.2. Sự biến đổi về chất lượng hàng hóa

Quá trình lưu kho hàng hóa phải đảm bảo tốt. Chất lượng là yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp tới việc tiêu thụ hàng hóa. Nguyên nhân gây ra sự biến đổi về chất lượng sản phẩm như: thời tiết, cách bảo quản hàng hóa chưa đúng quy định...

2.4.5.3. Khả năng tiêu thụ hàng hóa của doanh nghiệp

Nếu khả năng xâm nhập thị trường lớn tức là doanh nghiệp có nhu cầu cao trong việc xuất hàng hóa, cần dự báo chính xác nhu cầu xuất hàng trong kỳ. Còn ngược lại, nếu khả năng xảy ra thấp thì cần phải định lại mức tồn kho hợp lý, tránh để hàng ứ đọng lâu ngày.

2.4.6. Đánh giá chung về thực trạng công tác quản trị hàng tồn kho tại Công ty TNHH Thanh Phú – Phương Thiếp

2.4.6.1. Những kết quả đạt được

Công ty TNHH Thanh Phú – Phương Thiếp đã xây dựng được quy trình quản lý hàng tồn kho tương đối rõ ràng và có sự phân công trách nhiệm giữa các bộ phận. Quy

trình này giúp công ty kiểm soát được lượng hàng hóa nhập và xuất một cách chính xác, giảm thiểu tình trạng mất mát và thất thoát hàng hóa.

Hàng hóa tại kho của công ty được phân loại và sắp xếp theo từng nhóm cụ thể, thuận tiện cho việc kiểm tra và quản lý. Việc này giúp công ty dễ dàng theo dõi và xác định vị trí của từng loại hàng hóa, từ đó tăng cường hiệu quả trong công tác quản trị, hàng tồn kho.

Công tác sắp xếp hàng tồn kho của công ty rất tốt. Việc phân loại và mã hóa hàng hóa chưa đồng bộ, gây khó khăn trong việc tìm kiếm và quản lý. Công ty TNHH Thanh Phú đã thực hiện khá tốt việc bảo quản hàng hóa trong kho, đảm bảo hàng hóa không bị hư hỏng và giữ nguyên chất lượng. Các điều kiện bảo quản được tối ưu hóa theo từng loại hàng hóa cụ thể, ví dụ như kiểm soát nhiệt độ, độ ẩm và ánh sáng.

Việc kiểm kê định kỳ được thực hiện thường xuyên, giúp phát hiện kịp thời các sai lệch giữa số liệu thực tế và sổ sách kế toán. Hệ thống kiểm kê này không chỉ giúp công ty duy trì số liệu hàng tồn kho chính xác mà còn giúp phát hiện sớm các sai sót hoặc bất thường trong quá trình quản lý kho. Không gian kho được sử dụng hiệu quả hơn, không bị lãng phí bởi hàng tồn kho quá lâu, giúp giảm chi phí lưu kho và tạo điều kiện cho việc nhập thêm các lô hàng mới.

Những kết quả đạt được này không chỉ khẳng định công ty đã thành công trong việc quản lý và tối ưu hóa hàng tồn kho, mà còn là nền tảng quan trọng để công ty tiếp tục cải thiện và phát triển hệ thống quản trị hàng tồn kho, đáp ứng tốt hơn nhu cầu kinh doanh trong tương lai.

2.4.6.2. *Những hạn chế*

Bên cạnh những mặt tích cực, Công tác quản trị hàng tồn kho của công ty vẫn còn một số hạn chế:

Mặc dù có quy trình kiểm kê định kỳ 6 tháng 1 lần, quy trình này chưa được tối ưu hóa, Công ty TNHH Thanh Phú vẫn dựa vào phương pháp quản lý kho còn thủ công: Hiện tại, công ty chủ yếu quản lý tồn kho sắt thép bằng sổ sách ghi tay và bảng Excel đơn giản. Việc này tiềm ẩn nhiều sai sót trong quá trình nhập liệu, đặc biệt khi số lượng mặt hàng thép đa dạng về chủng loại, kích thước, trọng lượng. Điều này khiến công ty gặp khó khăn trong việc kiểm tra nhanh số liệu tồn kho thực tế và hạn chế khả năng đưa ra quyết định mua – bán kịp thời. Việc thiếu hệ thống quản trị kho hàng tự động như phần mềm quản trị kho có thể dẫn đến sai sót trong việc nhập liệu, khó khăn trong việc

theo dõi tồn kho và chậm trễ trong việc phản hồi các thay đổi nhanh chóng của thị trường.

Sự phối hợp giữa phòng kinh doanh – kế toán – kho vận còn thiếu đồng bộ: Khi phát sinh đơn hàng lớn hoặc các chương trình khuyến mãi, thông tin cập nhật tồn kho giữa các bộ phận chưa kịp thời, gây ra tình trạng bị động trong việc xuất hàng hoặc nhập hàng bổ sung. Đôi khi thông tin chưa được kịp thời và chính xác giữa các bộ phận dẫn đến khó khăn trong việc quản trị hàng tồn kho và đưa ra các quyết định kinh doanh chính xác. Điều này ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng đơn hàng nhanh và uy tín của công ty đối với khách hàng.

Chưa có sự phân loại, mã hóa đồng bộ cho từng loại hàng hóa: Các sản phẩm như thép tấm, thép hình, thép cuộn... tuy đã được phân nhóm nhưng chưa được mã hóa thống nhất theo quy chuẩn nội bộ. Việc này gây khó khăn cho nhân viên kho trong quá trình tìm kiếm, xuất nhập, đặc biệt khi số lượng sản phẩm lưu kho lớn hoặc khi cần xử lý đơn hàng gấp.

Kiểm kê kho còn thiếu chặt chẽ: Dù công ty thực hiện kiểm kê định kỳ hàng tháng, tuy nhiên việc kiểm kê vẫn còn mang tính hình thức ở một số thời điểm, chưa thực hiện đối chiếu chặt chẽ giữa sổ sách và thực tế. Đặc thù sản phẩm sắt thép có trọng lượng lớn, di chuyển khó khăn nên dễ dẫn đến sai sót trong quá trình đếm số lượng hoặc cân đo.

2.4.6.3. Nguyên nhân

Diện tích kho công ty chưa được sử dụng hiệu quả: Mặc dù kho hàng của công ty có diện tích khá rộng, tuy nhiên khi thị trường có nhu cầu tiêu thụ sắt thép tăng cao, lượng đơn hàng nhập về nhiều dẫn đến tình trạng quá tải. Sản phẩm phải chồng chất, lấn sang các khu vực khác, thậm chí phải để hàng hóa bên ngoài kho, làm tăng nguy cơ hư hỏng, giảm chất lượng sản phẩm.

Thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận: kinh doanh – mua hàng – kho trong việc lên kế hoạch và xử lý hàng tồn. Các bộ phận kinh doanh, mua hàng và kho vận chưa thực sự phối hợp nhịp nhàng trong việc lập kế hoạch nhập – xuất hàng hóa. Thông tin trao đổi không kịp thời khiến cho việc xử lý hàng tồn kho, đáp ứng đơn hàng hoặc lập kế hoạch mua hàng mới gặp nhiều khó khăn, đôi khi bị động trước biến động của thị trường.

Công ty TNHH Thanh Phú vẫn còn sử dụng phương pháp đếm thủ công hàng hóa, chưa áp dụng rộng rãi các công nghệ hiện đại như hệ thống mã vạch để tự động hóa quá trình kiểm kê, cũng như việc chưa sử dụng các phần mềm hỗ trợ quản trị hàng tồn kho. Việc đếm thủ công không chỉ tiêu tốn nhiều thời gian và nhân lực mà còn tiềm ẩn nguy cơ sai sót do yếu tố con người.

Trên thực tế, công ty hiện chưa xác định được lượng đặt hàng tối ưu hàng năm và thường nhập số lượng lớn theo nhu cầu ngắn hạn của thị trường chứ không lập kế hoạch nhu cầu của hàng hoá. Điều này dẫn đến tổng chi phí tồn kho mỗi năm chưa được tối ưu hóa.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN TRỊ HÀNG TỒN KHO TẠI CÔNG TY TNHH THANH PHÚ – PHƯƠNG THIẾP

3.1. Định hướng phát triển của công ty TNHH Thanh Phú – Phương Thiếp trong thời gian tới

Trong bối cảnh thị trường sắt thép ngày càng cạnh tranh khốc liệt và nhiều biến động, Công ty TNHH Thanh Phú – Phương Thiếp xác định rõ rằng: để phát triển bền vững, doanh nghiệp không chỉ cần duy trì hoạt động ổn định mà còn phải chủ động đổi mới, hoàn thiện mình liên tục. Là một doanh nghiệp có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng, công ty nhận thức sâu sắc rằng việc thích ứng nhanh với xu hướng thị trường và đáp ứng tốt các yêu cầu ngày càng cao từ phía khách hàng chính là yếu tố then chốt để duy trì vị thế cạnh tranh.

Một trong những định hướng quan trọng trong thời gian tới của công ty là mở rộng quy mô kinh doanh, tích cực tiếp cận thêm các dự án, công trình xây dựng lớn trong và ngoài thành phố. Song song với đó, công ty sẽ tăng cường thiết lập quan hệ với các nhà cung cấp và khách hàng mới, nhằm đa dạng hóa nguồn cung và mở rộng đầu ra cho sản phẩm, giảm thiểu rủi ro phụ thuộc vào một số ít đối tác cố định.

Nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển, Công ty Thanh Phú – Phương Thiếp dự kiến đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ và máy móc hiện đại. Việc ứng dụng công nghệ tiên tiến không chỉ giúp nâng cao chất lượng sản phẩm, tối ưu hóa quy trình sản xuất mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc giảm chi phí vận hành, từ đó cải thiện hiệu quả hoạt động và nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường.

Bên cạnh việc mở rộng thị trường và đầu tư công nghệ, công ty cũng xác định rõ rằng nâng cao chất lượng quản lý nội bộ, đặc biệt là quản trị hàng tồn kho, là nhiệm vụ cấp thiết. Với đặc thù sản phẩm sắt thép có trọng lượng lớn, dễ bị ảnh hưởng bởi điều kiện môi trường (như rỉ sét khi bảo quản không đúng cách), công tác quản lý kho không hiệu quả sẽ dẫn đến các rủi ro nghiêm trọng như thất thoát, giảm chất lượng sản phẩm, tăng chi phí lưu kho và tồn đọng vốn. Vì vậy, công ty đặt mục tiêu từng bước hiện đại hóa công tác quản lý kho thông qua việc ứng dụng các phần mềm quản lý chuyên dụng, hệ thống mã hóa sản phẩm, và cải tiến quy trình kiểm kê, lưu trữ, xuất nhập kho.

Song song với việc đầu tư công nghệ, công ty cũng đặc biệt chú trọng đến công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, nhất là đối với đội ngũ nhân viên trực tiếp tham gia quản lý và vận hành kho bãi. Công ty định hướng xây dựng một đội ngũ nhân sự vừa

vững chuyên môn, vừa chủ động, trách nhiệm và sáng tạo, nhằm đáp ứng yêu cầu vận hành hệ thống hiện đại, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý tổng thể.

Tóm lại, định hướng phát triển của Công ty TNHH Thanh Phú – Phương Thiếp trong thời gian tới tập trung vào việc mở rộng quy mô kinh doanh, hiện đại hóa công tác quản trị, và xây dựng hệ thống vận hành chuyên nghiệp. Đây sẽ là nền tảng vững chắc để công ty nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển ổn định, bền vững trong môi trường kinh doanh đầy biến động hiện nay.

3.2. Mục tiêu quản lý kho

Nhận thức được vai trò quan trọng của công tác quản lý kho trong việc bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra ổn định và hiệu quả, Công ty TNHH Thanh Phú – Phương Thiếp đặt ra mục tiêu cụ thể nhằm hoàn thiện và nâng cao chất lượng quản lý kho trong thời gian tới.

Trước hết, công ty hướng đến việc kiểm soát chặt chẽ số lượng, chất lượng và chủng loại hàng tồn kho, đảm bảo tất cả hàng hóa được sắp xếp hợp lý, lưu trữ đúng cách để hạn chế rủi ro hư hỏng, hao hụt – đặc biệt là đối với mặt hàng sắt thép có giá trị cao và dễ bị ảnh hưởng bởi môi trường. Đồng thời, công ty cũng xác định rõ mục tiêu đảm bảo dữ liệu kho luôn chính xác và cập nhật kịp thời, nhằm phục vụ tốt cho việc theo dõi, lập kế hoạch nhập – xuất hàng, cũng như hỗ trợ công tác kế toán và báo cáo nội bộ.

Bên cạnh đó, công ty đặt ra mục tiêu chuẩn hóa quy trình nhập – xuất – kiểm kê theo hướng rõ ràng, minh bạch, giảm thiểu tối đa tình trạng sai lệch giữa thực tế và sổ sách. Để đạt được điều này, công ty dự kiến sẽ ứng dụng dần công nghệ vào hoạt động kho, chẳng hạn như sử dụng phần mềm quản lý kho, mã hóa hàng hóa theo mã số/mã vạch, từ đó tăng độ chính xác và tiết kiệm thời gian xử lý.

Về mặt nhân sự, công ty đặt mục tiêu nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ nhân viên kho, thông qua các buổi đào tạo nội bộ, hướng dẫn quy trình làm việc bài bản, cũng như khuyến khích tinh thần trách nhiệm và tính chủ động trong công việc. Công ty tin rằng một đội ngũ nhân sự có kỹ năng tốt và tinh thần hợp tác cao sẽ là nền tảng để hệ thống kho vận hoạt động hiệu quả và chuyên nghiệp.

Tóm lại, mục tiêu quản lý kho của Công ty TNHH Thanh Phú – Phương Thiếp trong thời gian tới không chỉ dừng lại ở việc kiểm soát tồn kho một cách hiệu quả, mà còn hướng đến xây dựng một hệ thống quản lý kho hiện đại, tiết kiệm, minh bạch, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động chung của doanh nghiệp.

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị hàng tồn kho của công ty

Sau thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH Thanh Phú – Phương Thiếp, em nhận thấy rằng việc quản lý hàng tồn kho hiện tại vẫn còn nhiều mặt hạn chế như: chưa có sự phân loại rõ ràng, công cụ hỗ trợ còn đơn giản, chưa có kế hoạch nhập – xuất theo dự báo cụ thể. Từ những quan sát thực tế này, em xin đề xuất một số giải pháp cụ thể để góp phần giúp công ty nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị hàng tồn kho.

3.3.1. Ứng dụng mã vạch trong quản trị hàng tồn kho

Hiện nay, công tác quản lý kho của Công ty TNHH Thanh Phú – Phương Thiếp chủ yếu vẫn thực hiện thủ công, nhân viên kiểm kê, nhập – xuất hàng hóa bằng cách ghi chép tay hoặc đối chiếu thủ công trên bảng excel. Phương pháp này dù quen thuộc nhưng đang bộc lộ nhiều hạn chế như tốn nhiều thời gian kiểm kê, dễ xảy ra nhầm lẫn số liệu, khó kiểm soát chính xác lượng tồn kho thực tế. Trước thực trạng đó, em xin đề xuất công ty nên từng bước đầu tư và áp dụng hệ thống mã vạch trong quản lý hàng tồn kho.

Cụ thể, mỗi sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm khi nhập kho sẽ được in mã vạch riêng biệt, chứa các thông tin cần thiết như: mã sản phẩm, kích thước, chủng loại, ngày nhập kho, lô hàng, vị trí lưu kho... Khi thực hiện xuất – nhập hoặc kiểm kê hàng hóa, nhân viên chỉ cần sử dụng máy quét mã vạch để quét thông tin, thay cho việc ghi tay hoặc tra cứu thủ công như hiện nay.

Việc áp dụng mã vạch mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho công ty:

Quản lý chính xác và nhanh chóng: Mỗi lần nhập hoặc xuất hàng, việc quét mã vạch chỉ mất vài giây. Điều này giúp tăng tốc độ thao tác gấp nhiều lần so với nhập tay, đồng thời đảm bảo số liệu chính xác tuyệt đối, tránh thất thoát hàng hóa.

Hạn chế tối đa nhầm lẫn và thất thoát: Với mã vạch, từng lô hàng sẽ được theo dõi chặt chẽ, truy xuất dễ dàng lịch sử xuất – nhập. Nếu có sai lệch số liệu, công ty có thể nhanh chóng phát hiện và xử lý.

Tiết kiệm chi phí nhân sự và thời gian làm việc: Khi công tác kiểm kê trở nên nhanh và chính xác hơn, công ty không cần duy trì số lượng lớn nhân viên kho như trước, đồng thời giảm áp lực công việc trong các đợt kiểm kê định kỳ.

Nâng cao tính chuyên nghiệp trong vận hành kho: Việc sử dụng mã vạch giúp công ty hiện đại hóa bộ phận kho vận, tạo ấn tượng tốt với khách hàng, đối tác khi tham quan hoặc giao dịch.

3.3.2. Sử dụng hệ thống phần mềm hỗ trợ quản trị hàng tồn kho

Hiện nay, trên thị trường cung cấp nhiều phần mềm quản trị hàng tồn kho như: Phần mềm quản lý kho theo vị trí cửa hàng Sapo, Phần mềm quản lý tồn kho SSE.Suno.vn - Phần mềm xuất nhập kho chính xác, Phần mềm kiểm kê hàng hóa SOF, Phần mềm nhập xuất kho KiotViet, Phần mềm quản lý hàng tồn kho Adaline, Phần mềm quản lý kho hàng miễn phí ECount...

Trong quá trình nghiên cứu và so sánh giữa các phần mềm quản lý kho hiện có trên thị trường, Công ty TNHH Thanh Phú – Phương Thiệp phù hợp với phần mềm KiotViet như tính năng, mức độ phù hợp với đặc thù ngành sắt thép, chi phí đầu tư và sự thuận tiện trong sử dụng.

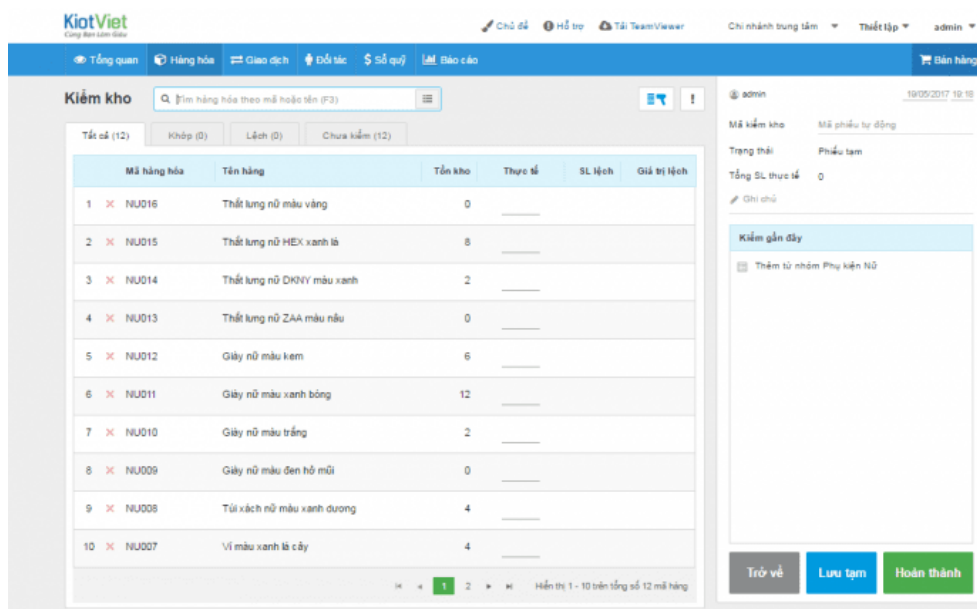
Qua đó, phần mềm KiotViet được đánh giá là sự lựa chọn phù hợp nhất với tình hình thực tế của công ty, vì những lý do sau:

Phù hợp với đặc thù ngành hàng sắt thép: KiotViet được thiết kế để hỗ trợ quản lý kho với những loại hàng hóa có khối lượng lớn, kích thước cồng kềnh như sắt, thép – rất phù hợp với lĩnh vực kinh doanh của công ty. Phần mềm cho phép phân loại hàng hóa chi tiết theo từng nhóm sản phẩm, kích thước, chủng loại, giúp công tác kiểm soát và tìm kiếm hàng tồn trở nên chính xác và khoa học hơn.

Quản lý xuất – nhập – tồn kho nhanh chóng, hiệu quả: KiotViet cho phép ghi nhận tức thời mọi giao dịch xuất kho, nhập kho, chuyển kho nội bộ. Nhờ đó, công ty có thể hạn chế tối đa các sai sót, thất thoát hàng hóa, đồng thời kiểm soát chặt chẽ dòng lưu chuyển vật tư – yếu tố đặc biệt quan trọng trong ngành vật liệu xây dựng.

Tính năng cảnh báo tồn kho tối ưu: Phần mềm tự động cảnh báo khi số lượng hàng hóa đạt đến ngưỡng tồn tối thiểu hoặc tồn kho vượt mức tối đa cho phép. Điều này giúp bộ phận mua hàng và kinh doanh chủ động điều chỉnh kế hoạch mua – bán kịp thời, tránh tình trạng thiếu hụt hàng hóa hoặc ứ đọng tồn kho, gây lãng phí vốn.

Dễ dàng triển khai, giao diện thân thiện: Giao diện của KiotViet được thiết kế đơn giản, dễ thao tác, phù hợp với đội ngũ nhân sự hiện tại của công ty – những người chưa có nhiều kinh nghiệm sử dụng phần mềm quản lý chuyên sâu. Việc triển khai phần mềm và đào tạo nhân viên sử dụng cũng sẽ diễn ra nhanh chóng, tiết kiệm thời gian và chi phí đào tạo.



Hình 3.1: Giao diện phần mềm KiotViet

KiotViet là phần mềm quản lý kho hàng uy tín và có mức giá phù hợp với nhu cầu của mọi doanh nghiệp. Dưới đây là bảng giá tham khảo phần mềm:

Gói dịch vụ	Phí sử dụng	Đặc điểm
Gói cơ bản (Basic)	~180.000 VNĐ/tháng (~2.160.000 VNĐ/năm)	Quản lý bán hàng, kho hàng cơ bản.
Gói chuyên sâu (Pro)	~250.000 VNĐ/tháng (~3.000.000 VNĐ/năm)	Quản lý kho nâng cao, nhiều tính năng chuyên biệt, phù hợp cho kinh doanh vật liệu xây dựng.

Bảng 3.1: Bảng tham khảo gói dịch vụ phần mềm

Từ những phân tích trên, tôi xin khẳng định rằng việc lựa chọn phần mềm KiotViet sẽ giúp Công ty TNHH Thanh Phú – Phương Thiếp hiện đại hóa công tác quản trị kho hàng một cách bài bản và chuyên nghiệp. Phần mềm không chỉ hỗ trợ tối ưu hóa hiệu quả quản lý hàng tồn kho, nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí vận hành mà còn góp phần tạo nền tảng vững chắc cho công ty phát triển ổn định, bền vững trong thời gian tới.

3.3.3. *Nâng cao chất lượng đội ngũ lao động*

Trong quá trình làm việc cùng đội ngũ nhân viên kho, em nhận thấy anh chị làm việc rất tận tâm, nhưng vẫn còn thiếu sự đồng đều về kỹ năng và chưa quen với việc ứng dụng công nghệ mới.

Công ty nên tổ chức các buổi đào tạo nội bộ định kỳ về nghiệp vụ kho, kỹ năng sử dụng phần mềm hoặc thiết bị mới. Có thể chia sẻ bằng hình ảnh, ví dụ thực tế, hoặc để chính người quản lý kho hướng dẫn lẫn nhau theo kiểu “cầm tay chỉ việc”.

Ngoài ra, công ty có thể có chính sách khen thưởng hoặc ghi nhận sáng kiến của nhân viên trong việc sắp xếp kho, đề xuất cải tiến quy trình – để tạo động lực làm việc tốt hơn.

KẾT LUẬN

Qua quá trình nghiên cứu và tìm hiểu về công tác quản trị hàng tồn kho tại Công ty TNHH Thanh Phú – Phương Thiếp, khóa luận này đã đưa ra những đánh giá về thực trạng, phân tích những kết quả đạt được cũng như những hạn chế còn tồn tại trong công tác quản lý kho của công ty. Đồng thời, em cũng đã đề xuất một số giải pháp để cải thiện và tối ưu hóa quy trình quản trị hàng tồn kho, từ đó nâng cao hiệu quả công việc và giảm thiểu các rủi ro cho công ty trong tương lai.

Công ty TNHH Thanh Phú – Phương Thiếp đã có những bước tiến quan trọng trong việc xây dựng hệ thống quản lý kho tương đối rõ ràng và hợp lý, tuy nhiên, việc áp dụng công nghệ vào công tác quản trị hàng tồn kho còn chưa được phát huy hết tiềm năng. Đặc biệt, việc sử dụng phần mềm quản lý kho tự động, kết hợp với ứng dụng mã vạch và đào tạo nâng cao kỹ năng cho đội ngũ nhân viên sẽ là những yếu tố then chốt giúp công ty.

Việc triển khai phần mềm KiotViet, kết hợp với hệ thống mã vạch, sẽ giúp công ty nâng cao khả năng kiểm soát tồn kho, từ đó tạo ra một hệ thống quản lý kho chặt chẽ, minh bạch và hiệu quả hơn. Đặc biệt, đầu tư vào việc đào tạo nhân viên và tạo ra môi trường làm việc năng động, sáng tạo sẽ góp phần xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu công việc ngày càng cao trong tương lai.

Em hy vọng những đề xuất và kiến nghị này sẽ mang lại lợi ích cho công ty trong tương lai góp phần vào sự phát triển của công ty TNHH Thanh Phú – Phương Thiếp. Do thời gian nghiên cứu và năng lực bản thân em có hạn, bài khóa luận chắc chắn sẽ có nhiều thiếu sót và nhầm lẫn. Em rất mong nhận được sự góp ý từ các thầy cô để bài khóa luận này được hoàn thiện hơn nữa.

Xin chân thành cảm ơn các thầy cô giảng viên giảng dạy trong trường đã giúp em có đầy đủ kiến thức để hoàn thành bài khóa luận này. Đặc biệt, xin cảm ơn cô Nguyễn Thị Thu Hà và các anh chị trong công ty TNHH Thanh Phú – Phương Thiếp đã tạo điều kiện và giúp đỡ em hoàn thành kỳ thực tập và bài khóa luận này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình quản trị chuỗi cung ứng, trường đại học Kinh Tế Đà Nẵng
2. Giáo trình quản trị sản xuất, nhóm biên soạn TS. Nguyễn Thanh Liêm (Chủ biên), TS. Nguyễn Quốc Tuấn – ThS. Nguyễn Hữu Hiên, nhà xuất bản tài chính, năm 2006
3. <https://quanlydoanhnghiep.edu.vn/cac-mo-hinh-ton-kho/>
4. <https://lytuong.net/quan-tri-ton-kho/>
5. https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BA%A3n_l%C3%BD_h%C3%A0ng_t%E1%BB%93n_kho